

ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN

TS. Nguyễn Văn Phát
Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

CHỊU TRÁCH NHIỆM
NỘI DUNG

CN. Nguyễn Quốc Uy
Phó Chủ tịch Liên hiệp các Hội
Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

BAN BIÊN TẬP

ThS. Phạm Kim Tân
KS. Nguyễn Xuân Sang
KS. Lê Xuân Dũng
CN. Hà Sĩ Thắng
CN. Trần Quốc Chấn
ThS. Lê Thị Linh Mai

THƯ KÝ BIÊN TẬP
VÀ TRÌNH BÀY

ThS. Lê Thị Linh Mai

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA

17 Hạc Thành - P. Ba Đình
TP. Thanh Hóa

Điện thoại: 02373.720.885

Fax: 02373.720.885

Website: www.tusta.org.vn

Email: khoahtoanthanhhoa@gmail.com

*Ảnh bìa: Hội nghị trực tuyến toàn quốc
"Đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ
Việt Nam triển khai thực hiện Nghị quyết
Đại hội lần thứ XIII của Đảng"*

TRANG CHÍNH LUẬN

- Đóng góp của đội ngũ trí thức Thanh Hóa trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương **Nguyễn Văn Phát 2**
- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa, 27 năm xây dựng và trưởng thành **Nguyễn Quốc Uy 7**

DIỄN ĐÀN TRÍ THỨC

- 61 năm Khoa học và Công nghệ, nền tảng vững chắc cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thời kỳ mới **Lê Xuân Minh 13**
- Đổi mới công tác quy hoạch và quản lý phát triển đô thị, kinh nghiệm cho quy hoạch phát triển đô thị thành phố Thanh Hóa **Lê Hoàng Phương 18**
- Kết quả bước đầu về quá trình nghiên cứu đề xuất đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi Đập Cầm Hoàng trên dòng chính sông Mã, tỉnh Thanh Hóa **Phạm Xuân Quý 22**

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Kết quả nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ của Viện Nông nghiệp Thanh Hóa **Nguyễn Đình Hải 25**
- Đảm bảo an toàn thông tin cho Hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến phục vụ xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa **Nguyễn Mạnh An 30**
- Kết quả thực hiện Đề án xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa **Hà Sĩ Thắng 33**
- Dạy và học chữ Mường đối với người Mường tỉnh Thanh Hóa **Nguyễn Văn Lộc 37**
- Trang tin sự kiện **41**

CHUYÊN TRANG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

- Kỹ thuật trồng cây sachi tại Thanh Hóa **Nguyễn Bá Thông 46**
- Phát triển cây thảo quả trên địa bàn rừng tự nhiên, góp phần quản lý rừng bền vững và tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc H'Mông Thanh Hóa **Khương Bá Tuấn 50**
- Nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ cao tại Thanh Hóa **Cao Thanh Thọ 52**

CHUYÊN TRANG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

- Một số phát hiện về nhân vật lịch sử Nguyễn Mộng Tuân **Hương Nao 54**
- Đề những địa danh lịch sử - văn hóa trên đất Bá Thước trở thành những điểm đến du lịch **Hoàng Thanh Hải 58**

ĐÓNG GÓP CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THANH HÓA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG

TS. Nguyễn Văn Phát

Bí thư Đảng đoàn,

Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa

Trong những năm qua, kinh tế của tỉnh Thanh Hoá có bước tăng trưởng khá; tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12,1%, gấp 1,5 lần so với tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2015. Quy mô GRDP của tỉnh năm 2020 đạt 131.199 tỷ đồng, gấp 1,77 lần năm 2015, đứng thứ 8 cả nước, cao nhất các tỉnh Bắc Trung bộ. Sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển toàn diện; sản xuất hàng hoá quy mô lớn, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị được hình thành và phát triển; công nghiệp - xây dựng phát triển mạnh, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Giáo dục và Đào tạo phát triển theo hướng chuẩn hoá; công tác y tế và chăm sóc sức khoẻ nhân dân chất lượng được nâng lên; Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển; công tác đối ngoại hợp tác quốc tế được mở rộng, đi

vào chiều sâu và hiệu quả hơn; nhiều dự án lớn được khởi công; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường theo hướng đồng bộ, hiện đại, vị thế của tỉnh ngày càng được khẳng định. Đạt được những thành tựu và kết quả quan trọng nêu trên, phải kể đến có sự đóng góp quan trọng của đội ngũ trí thức nói chung và đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ (KH&CN) của tỉnh nói riêng.

Hiện nay, đội ngũ trí thức tỉnh Thanh Hoá có trên 15 vạn người (trong đó có 26 phó giáo sư; trên 200 tiến sĩ; gần 5.000 thạc sỹ) đang công tác trong các cơ quan Đảng, Nhà nước; đơn vị sự nghiệp; các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp và một bộ phận không nhỏ là những trí thức trong đội ngũ cán bộ hưu trí đang hoạt động trong hệ thống của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh (Liên hiệp hội), các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp.

Đóng góp và ảnh hưởng của đội ngũ trí thức đối với quá trình xây dựng phát triển của tỉnh là rất quan trọng và to lớn trên các lĩnh vực, cụ thể như: Đã có nhiều đóng góp công sức, trí tuệ trong việc tham gia ý kiến đề xuất về những vấn đề chung, những vấn đề mang tính đặc thù về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, địa chính trị, lịch sử của địa phương với các bộ, ban, ngành trung ương khi tham mưu, đề xuất hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trực tiếp đối với địa phương, đội ngũ trí thức của tỉnh đã tích cực, chủ động tham gia ý kiến đóng góp với cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các sở, ban ngành, địa phương trong tỉnh về các vấn đề phục vụ phát triển của tỉnh như: chủ trương, cơ chế, chính sách, các chương trình, đề án, dự án lớn, trọng tâm của tỉnh, ngành, huyện, thị xã và thành phố trong tỉnh thông qua các hoạt động tham mưu, đề xuất; tư vấn, phản biện và giám

định xã hội; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giáo dục và đào tạo; bảo vệ tài nguyên - môi trường; cùng với hàng loạt các dấu ấn - thành tựu đóng góp trên các lĩnh vực văn hoá - văn nghệ, y tế, báo chí - xuất bản, đối ngoại, quốc phòng - an ninh của tỉnh. Hoạt động của đội ngũ trí thức trong các lĩnh vực đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; xây dựng hệ thống chính trị, đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng tỉnh ngày càng lớn mạnh về mọi mặt.

Một số kết quả nổi bật về sự đóng góp của đội ngũ trí thức của tỉnh trong những năm qua, nhất là 5 năm trở lại đây trên 5 lĩnh vực chủ yếu trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:

Đóng góp trên lĩnh vực hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức; hướng dẫn áp dụng các tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống:

Đội ngũ trí thức trong tỉnh được tập hợp đã có nhiều đóng góp trong việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nước và thế giới; phản ánh các tấm gương người tốt, việc tốt, những mô hình hoạt động hội thiết thực và hiệu quả đến các hội viên và nhân dân. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng các mô hình ứng dụng KH&CN tiên tiến để làm giàu và xóa đói giảm nghèo trong sản xuất nông nghiệp, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng các mô hình sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi trong tỉnh. Riêng đối với đội ngũ trí thức trong Liên hiệp hội và các tổ chức hội thành viên trong tỉnh các hoạt động trên đến nay đã trở thành thường xuyên, ngày càng đa dạng, phong phú bằng nhiều hình thức thích hợp; phối hợp với các đơn vị trong và ngoài tỉnh tăng cường các

hoạt động truyền thông phổ biến kiến thức, đã tạo được nguồn tư liệu phục vụ công tác truyền thông, phổ biến kiến thức rất lớn với nhiều nội dung cụ thể, có tác dụng tích cực. Thông qua hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức của đội ngũ trí thức trong tỉnh đã có tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến ngày càng rõ nét trong việc nâng cao dân trí, tăng năng suất lao động, năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, giảm nghèo bền vững, cải thiện chất lượng cuộc sống nhân dân, tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2015 - 2020.

Đóng góp của đội ngũ trí thức trên lĩnh vực hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, tư vấn, phản biện và giám định xã hội trên địa bàn tỉnh:

Trong những năm gần đây, trí thức tham gia hoạt động KH&CN của tỉnh ngày càng tăng; từ năm 2016 đến nay đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh đã chủ trì thực hiện hàng ngàn nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở trên hầu hết các lĩnh vực KH&CN, hiệu quả ngày càng cao; năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân có tiến bộ rất rõ rệt, kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN tốt hơn trước đây, đã đóng góp tích cực vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa năm 2020 - 2021 tổ chức họp giao ban lần thứ 2, quý II/2021

KHOA HỌC THANH HÓA

Đội ngũ trí thức công tác trên các lĩnh vực đã phát huy tốt vai trò và khả năng của mình, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung, thực sự là nòng cốt trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống, giải quyết được khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành; cung cấp nhiều luận cứ khoa học phục vụ cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và quyết định quy hoạch, kế hoạch, hoạch định chính sách, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua một cách đúng đắn và hiệu quả.

Đội ngũ trí thức làm công tác lãnh đạo, quản lý đã phát huy tốt tri thức được đào tạo, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, là nòng cốt quan trọng hoạch định, lãnh đạo, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; đã thể chế hoá nhiều chủ trương của Đảng, chủ trương lãnh đạo của tỉnh; đề xuất với trung ương nhiều vấn đề để phát triển tỉnh Thanh Hoá, nhất là trong thời gian gần đây;

chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh tham mưu phối hợp với các viện nghiên cứu, các trường đại học, các tổ chức tư vấn quốc tế, các bộ, ban, ngành liên quan giúp Thanh Hóa giải quyết những vấn đề lớn, vấn đề phức tạp, các nhiệm vụ có tính chiến lược phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc biệt, trong thời gian qua, đội ngũ trí thức của tỉnh đã tích cực tham gia xây dựng, góp ý sửa đổi luật và nhiều văn bản quy phạm pháp luật của trung ương và của tỉnh, góp ý cho văn kiện đại hội đảng các cấp; chủ động, tích cực thực hiện phần nhiệm vụ tỉnh được phân công và tổ chức nhiều hình thức đề xuất góp ý kiến rộng rãi của cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, tổ chức với Đề án làm cơ sở để Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án hoàn thiện trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 5/8/2020 về “Xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Đội ngũ trí thức KH&CN trong tỉnh đã có đóng góp lớn vào phát triển tổ chức và hình thành thị trường khoa học, công nghệ, phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ, hoạt động tiêu chuẩn, đo lường chất lượng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công cụ cải tiến năng suất, hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh tạo nên sức phát triển của nền kinh tế.

Chỉ tính riêng trong hệ thống Liên hiệp hội, trong 10 năm trở lại đây đã thực hiện gần 400 nhiệm vụ KH&CN, góp phần giải quyết nhiều yêu cầu bức thiết của xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nhiều đề tài, dự án có giá trị, góp phần phát triển nông nghiệp nông thôn, nâng cao năng lực cộng đồng, xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Giúp cấp ủy, chính quyền các cấp xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng về KH&CN, giáo dục và đào tạo, phát triển đội ngũ trí thức và một số lĩnh vực kinh tế, xã hội khác. Điển hình như: tư vấn thành công hàng trăm dự án quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn, đô thị; những vấn đề lớn về văn hóa, lịch sử; những vấn đề về thủy lợi, công trình, hồ đập, cầu đường. Liên hiệp hội đã chủ trì huy động lực lượng trí thức trong tỉnh thực hiện thành công hàng trăm nhiệm vụ tư vấn, phản biện xã hội, góp phần nâng cao chất lượng các chương trình, đề án và những chính sách do Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các địa phương ban hành trong 2 nhiệm kỳ vừa qua. Kết quả tư vấn, phản biện được đánh giá cao, coi đây thực sự là một kênh thông tin quan trọng, là cơ sở khoa học, thực tiễn và xã hội quan tâm phục vụ quyết định của lãnh đạo tỉnh

đối với các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án được giao nhiệm vụ tư vấn, phản biện. Ngoài ra, Liên hiệp hội với vai trò là thành viên của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) tỉnh đã tích cực tham gia góp ý, phản biện các đề án, dự thảo luật, giúp Ủy ban MTTQ tỉnh và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh có thêm thông tin, căn cứ, số liệu khi đóng góp vào các dự thảo luật; đồng thời, Liên hiệp hội cũng cử cán bộ, hội viên của các hội chuyên ngành tham gia các hội đồng thẩm định cấp tỉnh các đề án, dự án do các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố xây dựng.

Đóng góp của đội ngũ trí thức của tỉnh trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm, thủy sản:

Đội ngũ trí thức trong tỉnh đã chọn lọc, đưa nhiều giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp với điều kiện của tỉnh; đưa kỹ thuật canh tác tiên tiến vào sản xuất. Kết quả đóng góp của đội ngũ trí thức trong nhiều năm qua đã làm thay đổi căn bản nền sản xuất nông nghiệp của tỉnh từ sản xuất quy mô nhỏ, năng suất hiệu quả thấp sang sản xuất hàng hóa, phát triển toàn diện với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn rõ rệt, cụ thể như: kết quả bước đầu trong việc tích tụ và tập trung đất đai; hình thành nhiều vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, công nghệ cao,

theo chuỗi giá trị; một số dự án qui mô lớn được triển khai thực hiện; tốc độ giá trị sản xuất bình quân đạt 3%/năm; cơ giới hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới được đẩy mạnh; chăn nuôi chuyên biến rõ nét về tổ chức sản xuất, chuyển mạnh sang chăn nuôi tập trung, ứng dụng công nghệ cao; tập trung vào phát triển rừng gỗ lớn cung cấp nguyên liệu cho chế biến, tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 53,4%; đã hình thành được vùng nuôi trồng thủy sản cơ bản vững chắc; nâng cao năng lực khai thác, đánh bắt xa bờ; đảm bảo các dịch vụ hậu cần. Những tiến bộ về tổ chức sản xuất nông, lâm, thủy sản đã làm thay đổi căn bản về chất trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân, đổi mới bộ mặt nông thôn và là cơ sở quan trọng để đẩy mạnh chuyển dịch sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn, góp phần cùng với các lĩnh vực khác tạo đà quan trọng để nền kinh tế của tỉnh chuyển hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đóng góp của đội ngũ trí thức của tỉnh trong lĩnh vực công nghiệp:

Đội ngũ trí thức hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp đã đề xuất nhiều phương án chuyển đổi mô hình quản lý, dự án đầu tư phát triển công nghiệp - xây dựng; đưa vào áp dụng công nghệ mới nhằm

nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới, tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm, góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp và thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhờ những đóng góp nêu trên mà sản xuất công nghiệp của tỉnh đã chuyển sang mô hình sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường, có sự định hướng quản lý của nhà nước với nhiều thành phần kinh tế tham gia. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành 4 khu kinh tế, khu công nghiệp (tứ Sơn): Khu kinh tế Nghi Sơn, Thành phố Sầm Sơn - Thành phố Thanh Hóa, Lam Sơn - Sao Vàng, Bim Sơn - Thạch Thành, (nay là 4 trung tâm kinh tế động lực); nhiều cụm công nghiệp, làng nghề tập trung đã hình thành nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp quy mô lớn. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng nhanh: Nếu như giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân 13,7%/năm, thì giai đoạn 2016 - 2020 giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng đột phá, bình quân tăng 20,1%/năm; năm 2020 đạt 144.532 tỷ đồng, gấp 2,5 lần năm 2015. Đã hoàn thành và đưa vào hoạt động nhiều cơ sở công nghiệp mới, đặc biệt là Liên hợp lọc hoá dầu Nghi Sơn (một trong 3 dự án công nghiệp lớn nhất cả nước); đang triển khai xây dựng một số dự án quy mô lớn tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế giai đoạn tới. Sự

KHOA HỌC THANH HÓA

phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp đã tạo nên chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển mạnh từ nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao sang hướng phát triển mạnh công nghiệp - dịch vụ, với cơ cấu công nghiệp (48,2%) - dịch vụ (32,2%) - nông nghiệp (8,9%) và đã tạo nên nhiều việc làm tại chỗ, thu hút được nhiều lao động từ khu vực nông nghiệp, nông thôn, góp phần chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu lao động trong tỉnh.

Đóng góp của đội ngũ trí thức của tỉnh trong lĩnh vực văn hóa:

Đã tập trung làm tốt nhiệm vụ tham mưu đề xuất, tư vấn, phản biện và giám định xã hội, thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa và con người theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tiếp thu và truyền bá những giá trị văn hóa tiên tiến, xây dựng hình ảnh tốt đẹp về đất và người Thanh Hóa, xây dựng môi trường văn hóa trong xã hội, đấu tranh chống sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, tiêu cực và tệ nạn xã hội; đội ngũ trí thức công tác và có năng lực hiểu biết lĩnh vực này đã có đóng góp rất lớn vào việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống của dân tộc; tổ chức thành công nhiều sự kiện chính trị, văn hóa, lịch sử lớn. Di sản vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh được

kiểm kê và đưa vào kế hoạch trùng tu, tôn tạo, khôi phục và bảo tồn, phát triển; đề xuất, đầu tư tu bổ nhiều di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng; hoàn thiện nhiều hồ sơ khoa học đề nghị Chính phủ, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận thêm nhiều di sản văn hóa cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt; di sản Thành Nhà Hồ được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Những thành tựu đạt được của tỉnh trong thời gian qua, nhất là trong 5 năm gần đây là công sức của toàn hệ thống chính trị, của nhân dân, trong đó có đóng góp to lớn, quan trọng của đội ngũ trí thức. Nhìn một cách tổng thể, đội ngũ trí thức Thanh Hoá thời gian qua đã có những bước phát triển và đóng góp to lớn trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, Liên hiệp hội là một trong những tổ chức giữ vai trò nòng cốt trong việc tập hợp, đoàn kết, động viên, phát huy sức sáng tạo của đội ngũ trí thức trong tỉnh tích cực tham gia giải quyết các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng lòng yêu nước, trách nhiệm công dân và tính tích cực xã hội đối với cán bộ, hội viên, tạo dựng môi trường đoàn kết trong đội ngũ trí thức KH&CN; tích cực tham mưu, đề xuất với tỉnh những vấn

đề lớn về chủ trương, đường lối, chính sách; chủ động đẩy mạnh hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội, cung cấp luận cứ khoa học, thực tiễn và dư luận xã hội đối với các chương trình, đề án, dự án lớn trước khi cấp có thẩm quyền quyết định. Đội ngũ trí thức KH&CN đã có nhiều đóng góp trong việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng góp phần xã hội hóa công tác giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ môi trường, xóa đói, giảm nghèo. Đội ngũ trí thức KH&CN còn là lực lượng quan trọng thúc đẩy phong trào lao động sáng tạo, áp dụng có hiệu quả những tiến bộ KH&CN vào sản xuất, đời sống cũng như trong việc tổ chức các giải thưởng, hội thi, cuộc thi sáng tạo kỹ thuật; chú trọng tôn vinh các tập thể, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp về KH&CN.

Trong những năm tới, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ, tạo điều kiện của cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, chắc chắn đội ngũ trí thức tỉnh nhà sẽ có đóng góp xứng đáng nhiều hơn nữa, góp phần xây dựng tỉnh Thanh Hóa ngày càng phát triển, sớm hiện thực mục tiêu trở thành tỉnh văn minh, hiện đại và kiểu mẫu của cả nước./.

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT THANH HÓA, 27 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

CN. Nguyễn Quốc Uy

Phó Chủ tịch

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa



Đại hội đại biểu lần thứ VI, nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Liên hiệp hội

Đại hội thành lập Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật (Liên hiệp hội) Thanh Hóa được tổ chức trọng thể vào ngày 28/10/1994, sau khi có Quyết định 483-TC/UBTH ngày 12/4/1994 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Kể từ đó, ngày 28/10 hằng năm được lấy làm ngày thành lập Liên hiệp hội.

Năm nay, chúng ta kỷ niệm 27 năm ngày thành lập Liên hiệp hội Thanh Hóa trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 trên phạm vi cả nước cũng như trên toàn thế giới, ảnh hưởng trực tiếp đến mọi hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân, trong đó có hoạt động của đội ngũ trí thức khoa học và công

nghệ (KH&CN). Mặc dù vậy, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự chỉ đạo và giúp đỡ của Liên hiệp hội Việt Nam, sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ, hội viên, hoạt động của Liên hiệp hội vẫn được duy trì ổn định, đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của

KHOA HỌC THANH HÓA

tỉnh. 27 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành, Liên hiệp hội ngày càng khẳng định vai trò tổ chức chính trị - xã hội của đội ngũ trí thức KH&CN, thực hiện tốt chức năng tập hợp, đoàn kết, phát huy sức lực và trí tuệ của đội ngũ trí thức, của các nhà khoa học, đóng góp quan trọng vào sự phát triển chung của tỉnh.

Trải qua 6 kỳ Đại hội, tổ chức bộ máy của Liên hiệp hội ngày càng được hoàn thiện. Tại Đại hội thành lập năm 1994, Ban Chấp hành Liên hiệp hội có 14 người, đến Đại hội VI (nhiệm kỳ 2018 - 2023), Ban Chấp hành đã có số lượng là 41 người. Cơ quan Thường trực Liên hiệp hội có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng; bộ máy chuyên trách gồm có Văn phòng, 2 ban (Ban Khoa học công nghệ - Tư vấn, phản biện và giám định xã hội; Ban Thông tin, phổ biến kiến thức và đối ngoại hợp tác quốc tế) và Quỹ Hỗ trợ Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa.

Sau 27 năm hoạt động, hội viên và các đơn vị thành viên không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Nếu năm 1994 Liên hiệp hội có 7 hội thành viên với hơn 8.000 cán bộ, hội viên thì đến nay đã có 34 hội thành viên, gồm 32 hội chuyên ngành cấp tỉnh và 2 hội khoa học kỹ thuật cấp huyện, 4 trung tâm KH&CN trực thuộc và 5 đơn vị liên kết với trên 24.000 cán bộ, hội viên, hoạt động tích cực, hiệu quả trên các lĩnh vực KH&CN của tỉnh. Năm 2021, Liên

hiệp hội đã ký kết chương trình phối hợp công tác với Trường Đại học Hồng Đức và Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, nơi tập trung đông đảo đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh, với mục đích vận động, thu hút đội ngũ này tham gia các hoạt động chung của Liên hiệp hội; làm việc với cấp ủy và chính quyền thị xã Bỉm Sơn và huyện Thạch Thành thống nhất kế hoạch để chuẩn

tham gia các sự kiện chính trị lớn, tổ chức các cuộc hội thảo khoa học, diễn đàn KH&CN, thông tin, đề xuất giải quyết các vấn đề lớn của tỉnh... được Liên hiệp hội tiến hành thường xuyên và đạt kết quả tích cực. Những ý kiến đóng góp của đội ngũ trí thức ngày càng có ý nghĩa hơn, có giá trị về mặt khoa học và thực tiễn, thể hiện tinh thần trách nhiệm, dân chủ, thẳng thắn, trở thành



Tọa đàm khoa học Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, kỷ niệm 25 năm thành lập Liên hiệp hội

bị thành lập thêm 2 hội KHKT cấp huyện.

Hoạt động chính trị - xã hội của Liên hiệp hội luôn bám sát chủ trương, nghị quyết của Đảng, của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo của UBND tỉnh, tích cực tuyên truyền và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng, các chủ trương lớn của tỉnh. Các hoạt động như đóng góp ý kiến vào các văn kiện đại hội Đảng các cấp, các văn bản, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh, vận động trí thức

một kênh thông tin quan trọng đối với những quyết sách của cấp ủy và chính quyền tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, Liên hiệp hội còn thể hiện tốt vai trò trách nhiệm là thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc, thành tố quan trọng trong liên minh công - nông - trí thức và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hoạt động KH&CN của Liên hiệp hội và các hội thành viên đạt được nhiều kết quả khả quan, từ nghiên cứu

ứng dụng đến chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phát triển cộng đồng. Các hội thành viên và Cơ quan Thường trực Liên hiệp hội đã thực hiện trên 450 nhiệm vụ KH&CN, trong đó có 17 dự án của các tổ chức quốc tế, nhiều đề tài khoa học cấp bộ, cấp tỉnh, cấp ngành và cơ sở. Các đề tài, dự án KH&CN đều bám sát yêu cầu phát triển, giải quyết nhiều vấn đề cấp thiết trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều đề tài, dự án có giá trị, góp phần phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao năng lực cộng đồng, xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đặc biệt giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội ở các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, tiêu biểu như: Dự án "Xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa" tại xã Quý Lộc, huyện Yên Định; Dự án "Bảo tồn và phát triển bền vững rừng luồng bản địa Thanh Hoá"; Dự án "Khôi phục nghề nuôi thả Cánh kiến đỏ cho đồng bào các dân tộc thiểu số huyện Mường Lát" do Quỹ Môi trường toàn cầu của Liên hiệp quốc tài trợ; Dự án "Quản lý lưu vực đầu nguồn có sự tham gia của cộng đồng tại huyện Bá Thước"; Dự án "Nâng cao hiệu quả hợp tác và học hỏi của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam - ENABLE", do tổ chức CARE quốc tế tại Việt Nam tài trợ; Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: "Xây

dựng mô hình nuôi thả Cánh Kiến đỏ trên cây Cọ Khiết cho các tỉnh miền núi phía Bắc" cùng với một số dự án phát triển khác của Ngân hàng Thế giới và các tổ chức phi chính phủ. Thực hiện những đề tài, dự án trên, Liên hiệp hội đã xây dựng được nhiều mô hình về quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, tạo sinh kế cho cộng đồng có hiệu quả và đang được phát huy tác dụng. Nhiều mô hình có ý nghĩa sâu sắc về mặt kinh tế - xã hội được các cấp chính quyền và cộng đồng đánh giá tích cực.

Hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng, khẳng định vị thế, vai trò của Liên hiệp hội, vì vậy đã được Đảng đoàn, Ban Thường vụ thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện. Các nhà nghiên cứu, các cán bộ khoa học của Liên hiệp hội và các hội chuyên ngành đã tích cực tham gia các hoạt động tư vấn và các Hội đồng khoa học các cấp, đóng góp có hiệu quả cho các chương trình, dự án của các bộ, ngành và địa phương.

Liên hiệp hội đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 163/2016/QĐ-UBND, ngày 14/01/2016, quy định hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội của Liên hiệp hội (theo Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg ngày 14/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động tư vấn, phản biện, giám định xã hội của Liên hiệp hội Việt Nam).

Đây là văn bản pháp lý quan trọng để tổ chức tốt nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội, góp phần nâng cao chất lượng các chương trình, đề án và những chính sách do Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh ban hành; đồng thời thể hiện trách nhiệm xã hội của đội ngũ trí thức KH&CN, đóng góp trí tuệ vào các chủ trương, chính sách và các đề án lớn, quan trọng của cấp uỷ, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2016, căn cứ vào Chương trình công tác hàng năm của UBND tỉnh, Liên hiệp hội đã có văn bản đề nghị và được Chủ tịch UBND tỉnh giao phản biện 35 nhiệm vụ. Đến nay, Thường trực Liên hiệp hội đã tiến hành thành lập các hội đồng khoa học và phản biện thành công 31 nhiệm vụ, đã có báo cáo tổng hợp kết quả gửi Chủ tịch UBND tỉnh. Tiêu biểu là phản biện các đề án: "Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2016 - 2020"; "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; "Chương trình đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2016 - 2020"; Đề án "Phát huy các giá trị truyền thống của con người Thanh Hoá, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế"; Đề án "Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ để khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh

KHOA HỌC THANH HÓA

tế - xã hội tỉnh Thanh Hoá”... Các báo cáo phản biện được UBND tỉnh và các cấp, các ngành đánh giá cao về chất lượng, nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa, đảm bảo căn cứ khoa học và thực tiễn khi ban hành và tổ chức thực hiện. Ngoài ra, Liên hiệp hội còn tham gia góp ý, phản biện các đề án, dự thảo luật, giúp UBMTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hoá và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh có thêm thông tin, căn cứ, số liệu khi đóng góp các dự thảo luật trong các kỳ họp; đồng thời cử đại diện tham gia các hội đồng thẩm định cấp tỉnh các đề án, dự án do các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố xây dựng.

Hoạt động thông tin, phổ biến kiến thức KH&CN được tiến hành thường xuyên và đạt hiệu ứng tích cực. Trong những năm qua, Liên hiệp hội và các đơn vị thành viên đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học, diễn đàn KH&CN, hội nghị phổ biến kiến thức, chuyên gia KHCN, biên soạn và phát hành nhiều ấn phẩm tuyên truyền, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tích cực tuyên truyền, giới thiệu và chuyển giao những tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong tỉnh, trong nước và thế giới; phản ánh hoạt động của Liên hiệp hội và các đơn vị thành viên, tuyên truyền về những cách làm, những mô hình hoạt động hội thiết thực và hiệu quả. Từ khi thành lập đến nay, song song với việc

duy trì phát triển ấn phẩm Đặc san Khoa học Thanh Hóa, Liên hiệp hội đã xây dựng Trang thông tin điện tử (website) và hoạt động có hiệu quả. Đặc san Khoa học Thanh Hóa thực sự trở thành “diễn đàn trí thức KH&CN” phát hành hàng quý, đã xuất bản được gần 100 số với hàng vạn bản, phổ cập rộng rãi trong hệ thống Liên hiệp hội và các địa phương trong tỉnh, đảm bảo chất lượng nội dung, hình thức trang trọng. Trang thông tin điện tử với nhiều thông tin phong phú, được cập nhật thường xuyên, đến nay đã có gần 120 nghìn lượt người truy cập. Nhiều cán bộ, hội viên đã tích cực tham gia viết tin, bài, gửi đăng tải trên các báo, tạp chí chuyên ngành Trung ương và địa phương.

Hoạt động sáng tạo kỹ thuật, tôn vinh trí thức được quan tâm, nhằm động viên, ghi nhận những cống hiến của đội ngũ trí thức KH&CN. Thực hiện Quyết định số 165/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và được UBND tỉnh giao, Liên hiệp hội đã chủ trì tổ chức triển khai thực hiện tốt Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, Giải thưởng sáng tạo KHCN Việt Nam và tôn vinh những tài năng sáng tạo.

Hàng năm, Liên hiệp hội phối hợp chặt chẽ với Liên đoàn Lao động tỉnh trong việc khen thưởng cho các cá nhân được Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam trao Bằng Lao động sáng tạo; phối hợp tham gia với các sở, ban, ngành, đoàn thể hỗ trợ kinh

phí khen thưởng để tổ chức Hội thi Tin học trẻ toàn tỉnh; đồng thời đã chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức thành công 12 Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng hàng năm; phát động tham gia Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ toàn quốc đạt hiệu quả. Các Hội thi, Cuộc thi, Giải thưởng ngày càng thu hút đông đảo các lực lượng tham gia, số lượng và chất lượng năm sau cao hơn năm trước. Thông qua Hội thi, Cuộc thi, Giải thưởng đã có hàng ngàn công trình, giải pháp kỹ thuật tham dự, hàng trăm công trình, giải pháp được Ban tổ chức trao giải, nhiều tác giả được nhận bằng khen của các cơ quan Trung ương và Chủ tịch UBND tỉnh. Nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng vào thực tiễn làm lợi cho doanh nghiệp, cho xã hội hàng chục tỷ đồng.

Đối với hoạt động tôn vinh trí thức KH&CN tiêu biểu, trong những năm qua, Liên hiệp hội đã thành lập Hội đồng xét chọn căn cứ vào các tiêu chí theo quy định, giới thiệu và được Hội đồng Trung ương công nhận 4 cá nhân là trí thức KH&CN Việt Nam tiêu biểu các năm 2015, 2017 và năm 2019; trong đó 1 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; 4 cá nhân được tôn vinh là nhà Khoa học của Nhà nông Việt Nam các năm 2018, 2019, 2020, 2021. Liên hiệp hội đã phối hợp với các đơn vị có liên

quan lựa chọn và giới thiệu các công trình đưa vào Sách vàng Sáng tạo Việt Nam, báo cáo UBND tỉnh giới thiệu 7 công trình tiêu biểu vào Sách vàng Sáng tạo Việt Nam và đã có 4 công trình đã được vinh danh trong sách vàng sáng tạo KH&CN Việt Nam năm 2017, 2018, 2019. Năm 2020, Liên hiệp hội đã tổ chức tôn vinh 20 trí thức có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học và công nghệ, đang xây dựng và tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế tôn

đầu ngành của các đơn vị giúp đỡ, chuyên gia tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cho các chương trình, dự án đạt kết quả tốt; ký kết chương trình phối hợp hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ với nhiều đơn vị mới; đón tiếp và làm việc với các tổ chức trong và ngoài nước để hợp tác và tìm kiếm các dự án, hỗ trợ đầu tư. Được sự giúp đỡ tài chính của các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam, Liên hiệp hội và các hội thành viên đã thực hiện thành công nhiều dự án quốc tế,

Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba và nhiều Bằng khen, phần thưởng của Hội đồng Trung ương Liên hiệp hội Việt Nam, của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh. Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Liên hiệp hội Thanh Hóa luôn nhận được được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp, tạo điều kiện của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, Liên hiệp hội Việt Nam; sự phối hợp, giúp đỡ của các ban, sở, ngành và địa phương trong tỉnh cùng với sự đoàn kết thống nhất, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể Ban Chấp hành các nhiệm kỳ, của cán bộ công chức, viên chức, lao động Cơ quan Thường trực Liên hiệp hội và đội ngũ cán bộ, hội viên đã giúp cho hoạt động của Liên hiệp hội đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Hoạt động của Liên hiệp hội ngày càng chủ động, sáng tạo và dân chủ; các ban chuyên môn được kiện toàn, bố trí cán bộ chuyên trách đã phát huy hiệu quả, đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ được giao. Nhiều lĩnh vực đến nay đã phát huy hiệu quả tích cực như: công tác tập hợp trí thức; hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội; công tác phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật; vinh danh tài năng sáng tạo; tổ chức hội không ngừng được phát triển cả về số lượng và chất lượng, hoạt động rộng khắp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội cũng như trên phạm vi toàn



Thường trực Liên hiệp hội làm việc với tập thể lãnh đạo Viện Nông nghiệp Thanh Hóa về công tác phối hợp hoạt động

vinh trí thức KH&CN tiêu biểu của tỉnh để tổ chức thực hiện từ năm 2022.

Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế luôn được Liên hiệp hội và các đơn vị thành viên chú trọng, đã tăng cường quan hệ và hợp tác với nhiều tổ chức, cơ quan trong nước và quốc tế. Trong những năm qua, Liên hiệp hội đã huy động sự tham gia của nhiều chuyên gia, cán bộ khoa học

với kinh phí gần 40 tỷ đồng; trong đó, Cơ quan Thường trực Liên hiệp hội đã phối hợp tổ chức thực hiện thành công 9 dự án mang lại hiệu quả thiết thực.

Ghi nhận và đánh giá cao những thành tích hoạt động trong 27 năm qua, Đảng và Nhà nước đã trao tặng cho Liên hiệp hội và các đơn vị thành viên nhiều phần thưởng cao quý, trong đó có



Thường trực Liên hiệp hội làm việc với tập thể lãnh đạo Hội Khoa học kỹ thuật Cầu đường Thanh Hóa

tình. Thông qua những hoạt động cụ thể, vai trò, vị thế của Liên hiệp hội ngày càng được khẳng định, xứng đáng là tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho đội ngũ trí thức KH&CN, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động của Liên hiệp hội còn có một số hạn chế, yếu kém như: tổ chức của Liên hiệp hội có sự phát triển về số lượng, tuy nhiên chất lượng và hiệu quả hoạt động còn chưa cao, nhiều đơn vị hội, trung tâm KH&CN hoạt động còn rất khó khăn, yếu kém, thiếu năng động; tỷ lệ trí thức được tập hợp trong các tổ chức của Liên hiệp hội còn hạn chế, nhất là trí thức trẻ, trí thức trong các doanh nghiệp và trí thức người Thanh Hóa ở tỉnh ngoài; nội dung và phương thức tập

hợp, đoàn kết và vận động trí thức chưa được đổi mới... đòi hỏi chúng ta phải khắc phục trong thời gian tới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới.

Trong giai đoạn mới, trước sự phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghệ 4.0, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết 58-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đội ngũ trí thức tỉnh ta sẽ không ngừng tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, đòi hỏi công tác đoàn kết, tập hợp, vận động trí thức của Liên hiệp hội phải liên tục đổi mới, nâng cao hiệu quả và chất lượng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Phát huy truyền thống vẻ vang, chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng dưới ánh sáng của Nghị quyết 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và Chỉ thị 42-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá X) về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Liên hiệp hội Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đặc biệt là Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư (khoá XII) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW; Kết luận số 93-KL/TW ngày 20/11/2020 của Ban Bí thư và Kế hoạch số 166-KH/TU; Kế hoạch số 07-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thanh Hoá thực hiện Kết luận số 52-KL/TW và Kết luận 93-KL/TW, cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành và địa phương trong tỉnh, đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ các nhà khoa học, cán bộ, hội viên thuộc hệ thống, Liên hiệp hội Thanh Hoá sẽ từng bước lớn mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, xây dựng quê hương Thanh Hoá ngày càng giàu đẹp, văn minh./.

61 NĂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG THỜI KỲ MỚI

ThS. Lê Xuân Minh

Phó Giám đốc

Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa

Cách đây 61 năm, ngày 17/10/1960, Ủy ban hành chính (UBHC) tỉnh Thanh Hóa đã quyết định thành lập Ban Kỹ thuật (BKT) tỉnh, tiền thân của Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) ngày nay. Sự ra đời của BKT tỉnh là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt - chính thức “khai sinh” ra tổ chức của đội ngũ những người làm công tác quản lý khoa học - kỹ thuật (KHKT) của tỉnh, đặt nền tảng cho việc hình thành hệ thống quản lý hoạt động khoa học và công nghệ từ tỉnh đến cơ sở; mở đầu thời kỳ KHKT tỉnh Thanh Hóa phát triển có định hướng, có mục tiêu, góp phần vào thắng lợi chung của sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc và phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh trong suốt hơn 6 thập kỷ qua. Với ý nghĩa đó, ngày 17/10 hàng năm trở thành ngày truyền thống ngành KH&CN tỉnh Thanh Hóa, là dịp để các thế hệ những người làm khoa học và công nghệ tỉnh nhà cùng ôn lại các thời kỳ xây dựng và phát triển.



Hội thảo khoa học về Chính sách khuyến khích phát triển KH&CN trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025

Thời kỳ BKT tỉnh (1960 - 1963)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, tháng 7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết, cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kỳ mới: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng ở miền Nam. Trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chiến lược ở miền Bắc, KHKT đã được Đảng, Nhà nước ta xác định có một vai trò đặc biệt quan trọng. Bởi thế, ngày 04/3/1959, Thủ tướng Phạm

Văn Đồng đã ký Sắc lệnh số 016-SL thành lập Ủy ban Khoa học Nhà nước - tiền thân của Bộ KH&CN ngày nay. Chỉ ngay sau đó một tuần, ngày 11/3/1959, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 105/TTg “Về việc thành lập BKT ở các tỉnh, thành phố trong cả nước”. Cùng với sự ra đời của BKT ở các tỉnh, thành trên toàn miền Bắc, ngày 17/10/1960 UBHC tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 1970 thành lập BKT tỉnh Thanh Hóa.

KHOA HỌC THANH HÓA

Thừa đầu thành lập, BKT tỉnh có 12 thành viên. Ông Nguyễn Trí Hữu - đại diện Tỉnh ủy và UBHC tỉnh làm Trưởng Ban; ông Ứng Định và ông Trần Đình Phò làm Phó Ban; ông Trần Đình làm Ban viên Thường trực. Các ban viên còn lại đều là cán bộ các ngành trong tỉnh, làm việc tại BKT tỉnh theo chế độ kiêm nhiệm. Giúp việc cho Ban có 3 cán bộ. Đến năm 1962, UBHC tỉnh cử thêm ông Phạm Đình Văn giữ chức Ủy viên thường trực. BKT tỉnh lúc bấy giờ hoạt động như một Hội đồng Khoa học.

Thời kỳ Ban Khoa học kỹ thuật tỉnh (1963 - 1983)

Đến năm 1963, nhằm đáp ứng yêu cầu mới về đẩy mạnh hoạt động KHKT của tỉnh, BKT được đổi tên thành Ban Khoa học Kỹ thuật, có 17 thành viên. Trưởng Ban KHKT đầu tiên là Phó Chủ tịch UBHC tỉnh Hoàng Văn Hiền. Các Trưởng Ban KHKT tỉnh kế tiếp lần lượt là: Phó Chủ tịch UBHC tỉnh Trần Tiến Quân, Phó Chủ tịch UBHC tỉnh Tôn Viết Nghiệm, Chủ tịch UBHC tỉnh Trịnh Ngọc Bích, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Văn Lục, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Hữu Hình, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Nghiễm, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Văn Ban. Thời kỳ này, một số trưởng ban là lãnh đạo tỉnh hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, vì vậy đã có một số Phó trưởng ban Thường trực như các ông Phạm Đình Văn, Trần Thanh Vân. Ban KHKT lúc bấy giờ là cơ quan tổng

hợp thuộc Văn phòng UBHC tỉnh, có chức năng giúp UBHC tỉnh chỉ đạo công tác KHKT và phong trào cải tiến kỹ thuật của quần chúng; điều hòa, phối hợp các ngành thực hiện kế hoạch KHKT của địa phương. Đến tháng 01/1964, Ban KHKT được tách ra khỏi Văn phòng UBHC tỉnh, thành một đơn vị dự toán riêng.

Trong thời kỳ Thanh Hóa cùng với miền Bắc đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Ban KHKT phải đi sơ tán tại xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa. Đây là những năm tháng Ban KHKT Thanh Hóa cũng như Ban KHKT của các tỉnh, thành phố phía Bắc gặp rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, trong lúc một số Ban KHKT ở tỉnh, thành phố khác phải giải thể thì Ban KHKT tỉnh Thanh Hóa vẫn được duy trì và phát triển. Thanh Hóa vẫn xây dựng, hình thành được mạng lưới hoạt động KHKT rộng khắp từ tỉnh đến các ngành, địa phương, đến tận các cơ sở sản xuất...

Năm 1975, đất nước thống nhất, Ban KHKT chuyển về khuôn viên Văn phòng UBHC tỉnh. Với sự nỗ lực của Ban KHKT cùng đội ngũ cán bộ KHKT trên địa bàn tỉnh, hoạt động KHKT thời kỳ này đã được Nghị quyết 06 NQ/TU (tháng 3/1979) của Tỉnh ủy đánh giá là: “Công tác khoa học kỹ thuật đã hướng vào việc phục vụ các nhiệm vụ kinh tế cấp bách, đã làm được nhiều việc có kết quả, có tác dụng đối với sản xuất và đời sống, góp phần thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của tỉnh. Việc đưa giống mới, kỹ thuật mới vào chăn nuôi, trồng trọt được đẩy mạnh, có những việc làm mở ra triển vọng phát triển tốt. Việc nghiên cứu thực nghiệm được xúc tiến, mang lại hiệu quả thiết thực (...). Công tác quản lý kỹ thuật có nhiều tiến bộ (...). Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật được phát triển khá”. Mô hình hoạt động KHKT ở Thanh Hóa và Thái Bình được Ủy ban KHKT Nhà nước chọn



Dây truyền nghiền đá nhân tạo

làm điểm chỉ đạo nhân rộng. Hoạt động KHKT của Thanh Hóa và Thái Bình thời kỳ này đã đem lại kinh nghiệm quý về tổ chức mạng lưới, về xác định và cách thức tổ chức triển khai thực hiện các nội dung KHKT ở địa phương. Đây là một trong những căn cứ thực tiễn quan trọng để Hội đồng Bộ trưởng quyết định củng cố, phát triển tổ chức quản lý KHKT các tỉnh trong cả nước vào năm 1983.

Thời kỳ Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật (1983 - 1994)

Đến năm 1983, thực hiện Nghị quyết 51 ngày 17/5/1983 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác KHKT, ngày 05/8/1983 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 707 về việc kiện toàn hệ thống tổ chức khoa học trong tỉnh, đổi tên Ban KHKT thành Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật (KHKT) tỉnh. Chủ nhiệm Ủy ban KHKT (chuyên trách) đầu tiên là ông Lê Văn Lục. Các chủ nhiệm Ủy ban KHKT tỉnh kế tiếp lần lượt là: ông Lê Bạch Lan, ông Bùi Trọng Liên. Chủ tịch Hội đồng KH&CN tỉnh trong thời kỳ này là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Đình Lãng.

Thời kỳ này, KH&CN Thanh Hóa đã có sự phát triển vượt bậc về tổ chức, lực lượng, tạo thành một hệ thống từ cấp tỉnh, các ngành đến cấp huyện. Ủy ban KHKT tỉnh đã chỉ đạo hoạt động KHKT trên toàn tỉnh trong thời kỳ này theo hướng “đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tập trung những nhiệm vụ trọng tâm của

tỉnh nhằm áp dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất lao động, năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi, giảm chi phí vật chất, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa... đầu tư kinh phí thỏa đáng cho các nhiệm vụ trên và một phần cho tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật...”. Kết quả hoạt động của KH&CN trong thời kỳ này đã được Tỉnh ủy đánh giá là: “Hoạt động KH&CN của tỉnh đã có bước phát triển mới về chất và đã góp phần nhất định trong sự phát triển KT-XH của tỉnh”.

Thời kỳ Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường (1994 - 2003)

Năm 1992, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH&CN&MT) được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Ủy ban KHKT Nhà nước. Ở các tỉnh, thành phố trong cả nước, các Sở KH&CN&MT cũng được thành lập. Trong xu thế đó, ngày 13/01/1994 UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 64/TC-UBTH thành lập Sở KH&CN&MT Thanh Hóa. Ông Bùi Trọng Liên, Chủ nhiệm Ủy ban KHKT được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở KH&CN&MT. Các Giám đốc Sở KH&CN&MT kế tiếp lần lượt là: ông Nguyễn Văn Tri, Thường vụ Tỉnh ủy; ông Trương Văn Nậm. Chủ tịch Hội đồng Khoa học tỉnh của thời kỳ này lần lượt là: Phó chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Thát, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nguyễn Văn Tri. Sở KH&CN&MT thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KH&CN và bảo vệ môi trường.

Trong giai đoạn này, ngành KH&CN đã bám sát Nghị quyết TW2 (khoá VIII) về định hướng chiến lược phát triển KH&CN trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết TW2 của Tỉnh ủy, tạo bước phát triển mới về chất trong hoạt động KH&CN của tỉnh. Nhiều kết quả nghiên cứu KH&CN đã từng bước được ứng dụng trong sản xuất và đời sống, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KT-XH tỉnh.

Thời kỳ Sở Khoa học và Công nghệ (từ 2003 đến nay)

Đến năm 2003, thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn lại chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Sở KH&CN&MT được đổi tên thành Sở KH&CN, chức năng quản lý nhà nước về môi trường được chuyển giao sang Sở Tài nguyên và Môi trường. Ông Trương Văn Nậm, Giám đốc Sở KH&CN&MT được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở KH&CN đầu tiên. Các Giám đốc Sở KH&CN kế tiếp lần lượt là: Ông Nguyễn Mạnh An, ông Lê Đình Sơn, ông Lê Minh Thông; đương nhiệm là ông Nguyễn Ngọc Túy. Chủ tịch Hội đồng KH&CN tỉnh trong thời kỳ này lần lượt là: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Thế Bắc, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trịnh Văn Chiến, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền; đương nhiệm là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Đức Giang. Sở KH&CN có chức năng tham

KHOA HỌC THANH HÓA

mu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: Hoạt động KH&CN; Phát triển tiềm lực KH&CN; Sở hữu trí tuệ; An toàn bức xạ và hạt nhân; Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Sở KH&CN còn là cơ quan thường trực của Hội đồng Khoa học tỉnh, cơ quan thường trực của Quỹ Phát triển KH&CN tỉnh Thanh Hóa.

Điểm nổi bật trong thời kỳ này là hoạt động KH&CN của tỉnh đã tập trung thực hiện 3 nhiệm vụ có tính chiến lược, xuyên suốt: Thứ nhất, nâng cao năng lực KH&CN; Thứ hai, đẩy mạnh ứng dụng KH&CN; Thứ ba, đổi mới quản lý KH&CN. Trong đó, đẩy mạnh ứng dụng KH&CN để phát triển KT-XH là trọng tâm; nâng cao năng lực KH&CN và đổi mới quản lý KH&CN là điều kiện cần thiết để việc đẩy mạnh ứng dụng KH&CN được thực hiện đạt hiệu quả cao nhất. Trong thời kỳ này, nhất là từ khi được xác định là khâu đột phá trong phát triển KT-XH, hoạt động KH&CN đã có những bước phát triển vượt bậc. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX đánh giá: “Hoạt động khoa học công nghệ được đẩy mạnh theo hướng đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống. Các tổ chức khoa học công nghệ công lập được tổ chức, sắp xếp lại, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bồi dưỡng, đào

tạo nhân lực, chất lượng hoạt động được nâng lên (...). nhiều nhiệm vụ KH&CN được áp dụng, phát huy hiệu quả. Thị trường khoa học công nghệ được hình thành và phát triển (...) quản lý Nhà nước về công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng được tăng cường”. Đặc biệt, sự đóng góp của KH&CN vào tăng trưởng GRDP của tỉnh thông qua yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đã được khẳng định rõ và liên tục tăng trong 10 năm trở lại đây. Giai đoạn 2011 - 2015 đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP của tỉnh là 11,1% thì đến giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt 38,7%, cao nhất trong các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ. Như vậy, có thể vui mừng đánh giá rằng, KH&CN Thanh Hóa đang dần khẳng định được vị trí, vai trò là động lực trong phát triển KT-XH của tỉnh nhanh, bền vững.

Với những nỗ lực và đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương, đất nước trong hơn 60 năm qua, ngành KH&CN Thanh Hóa đã vinh dự được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý, trong đó có Huân chương Lao động Hạng Ba (1987), Huân chương Lao động Hạng Nhì (1997), Huân chương Lao động Hạng Nhất (2005), Huân chương Độc lập Hạng Ba (2020). Thành tích mà ngành KH&CN đạt được hôm nay là kết quả của lớp lớp các thế hệ cán bộ KH&CN Thanh Hóa đã làm việc, đã cống hiến ở tất cả các ngành, trên tất cả

lĩnh vực, tại tất cả địa phương trong suốt hơn 6 thập kỷ qua.

Hiện nay, trong xu thế chung của cả nước, ngành KH&CN Thanh Hóa đang đứng trước những yêu cầu mới, đòi hỏi phải có sự phát triển mới thực sự mạnh mẽ, mà cốt lõi trong đó là sự phát triển từ “khoa học và công nghệ” thành “khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo”. Trong Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm (2021 - 2030) mới được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XVIII thông qua đầu năm 2021, “khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo” đã trở thành một “phiên bản” mới, một sự phát triển mới của “khoa học và công nghệ”; tương tự như “khoa học và công nghệ” đã từng là sự phát triển mới của “khoa học - kỹ thuật” trước kia. Ở Trung ương, Bộ KH&CN đã được bổ sung chức năng quản lý nhà nước đối với đổi mới sáng tạo. Ở địa phương, các Sở KH&CN cũng được bổ sung chức năng quản lý nhà nước đối với đổi mới sáng tạo. Đây là những bước đi cụ thể hóa, thực tiễn hóa quan điểm phát triển của Việt Nam trong giai đoạn 2021 - 2030 là “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”.

Trước yêu cầu đó, KH&CN Thanh Hóa đang nhanh chóng bắt nhịp để phát triển thành khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là khâu đột phá trong phát triển KT-XH của tỉnh. Chỉ

trong một thời gian ngắn, một loạt các đề án, kế hoạch, chính sách lớn đã được ngành tham mưu, trình Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh thông qua, phê duyệt để triển khai thực hiện như: Kế hoạch hành động thực hiện khâu đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, giai đoạn 2021 - 2025; Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025;... Có thể nói, toàn ngành đang tích cực, nỗ lực để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng góp nhiều nhất, hiệu quả nhất cho sự phát triển của tỉnh, mà

cụ thể là đưa đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua chỉ tiêu năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP tỉnh Thanh Hóa đạt 40% vào năm 2025 và 45% vào năm 2030.

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển 61 năm qua, ngành KH&CN Thanh Hóa luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp, tạo điều kiện của Bộ KH&CN và các bộ, ban, ngành, các đơn vị ở Trung ương; sự quan tâm sâu sắc, sự chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp tạo điều kiện của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cấp ủy, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh; sự đồng lòng, chung tay của các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp, các tổ chức, đơn vị có

hoạt động KH&CN cùng đội ngũ cán bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh. Nhân dịp này, ngành KH&CN xin được chân thành, trân trọng cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự quan tâm sâu sắc hơn nữa; sự chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời hơn nữa; sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Thanh Hóa tiếp tục phấn đấu, thực sự trở thành động lực phát triển KT-XH của tỉnh Thanh Hóa nhanh, bền vững trong giai đoạn tới; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa Thanh Hóa trở thành một tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra./.

Ngày Quốc khánh Việt Nam

Ngày Quốc khánh Việt Nam diễn ra vào ngày 2/9 hằng năm, kỷ niệm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày 2/9/1945 đã đi vào lịch sử dân tộc như một mốc son chói lọi. Tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, hơn 50 vạn người đại diện cho các tầng lớp Nhân dân hân hoan chờ đón thời khắc lịch sử của dân tộc. Sau lễ chào cờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời, trang trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, trình trọng tuyên bố với quốc dân và thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tuyên ngôn Độc lập là văn bản quan trọng bậc nhất của lịch sử Việt Nam hiện đại đã khẳng định với toàn thế giới về chủ quyền độc lập, tự do của Việt Nam, đưa nhân dân ta đã thoát khỏi thân phận nô lệ “một cổ hai tròng” do ách đô hộ của thực dân, phong kiến kéo dài gần 1 thế kỷ.

76 năm qua, mỗi người dân Việt Nam luôn cảm thấy vinh dự và tự hào về nền độc lập tự do của đất nước đã giành được và thêm tin tưởng vào con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn. Ngày Quốc khánh cũng nhắc nhở chúng ta, những thế hệ hôm nay và mai sau trách nhiệm gìn giữ, vun đắp để giá trị ý nghĩa vô cùng lớn lao, sự vô giá của độc lập, tự do luôn được trường tồn.

(Sưu tầm)

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, *Kinh nghiệm cho quy hoạch phát triển đô thị thành phố Thanh Hóa*

ThS.KTS. Lê Hoàng Phương

*Viện Quy hoạch đô thị và Nông thôn quốc gia,
Bộ Xây dựng*

Thành phố Thanh Hóa là trung tâm tinh lý của tỉnh Thanh Hóa, được quan tâm lập quy hoạch xây dựng theo các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch đã tạo lập không gian, hình ảnh và hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ như hiện nay. Với các bản quy hoạch chủ động từ quy hoạch trung tâm tinh lý năm 1991, quy hoạch theo cấu trúc vành đai và hướng tâm năm 1999 và quy hoạch mở rộng theo hành lang kết nối Thanh Hóa - Sầm Sơn vào năm 2009 đã góp phần cho sự phát triển theo trật tự của đô thị thành phố Thanh Hóa, tránh sự phát triển lan tỏa thiếu kiểm soát như nhiều đô thị khác trên địa bàn cả nước.

Quy hoạch chung xây dựng Thành phố Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 84/QĐ-TTg ngày 16/01/2009) đến nay đã được 11 năm thực hiện, việc rà soát điều chỉnh theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị để phù hợp với yêu cầu

phát triển mới là cần thiết. Một số kinh nghiệm thực tiễn trong công tác nghiên cứu quy hoạch phát triển đô thị loại I trên địa bàn cả nước có thể tham khảo áp dụng đối với địa phương:

Liên kết vùng và đô thị hóa nông thôn

Quá trình phát triển mở rộng của đô thị thành phố Thanh Hóa, với sự đầu tư mạnh mẽ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung, không gian đô thị liên tục được phát triển mở rộng, kết hợp với các địa phương lân cận đang được quy hoạch đô thị hóa một cách nhanh chóng tạo nên mạng lưới đô thị hóa trải rộng. Việc nghiên cứu mở rộng phạm vi quy hoạch ra các vùng Đông Sơn, Sầm Sơn, Hoàng Hóa, Quảng Xương là giải pháp cần thiết và cần tiếp tục nghiên cứu mở rộng ra phạm vi vùng tỉnh và các địa phương lân cận để lựa chọn hướng quy hoạch và kiểm soát phát triển phù hợp cho đô thị thành phố Thanh Hóa.

Quan sát từ thực tiễn phát triển đô thị của Thanh Hóa trong thời gian qua, mặc dù đã có kế hoạch phát triển 4 đô thị động

lực là Sầm Sơn, Bim Sơn, Nghi Sơn, Lam Sơn để hỗ trợ cho đô thị trung tâm Thanh Hóa; tuy nhiên, thực tiễn phát triển các đô thị nêu trên không như kế hoạch, xu hướng phát triển đô thị dịch vụ và mở rộng tập trung tại thành phố Thanh Hóa, các đô thị nêu trên chỉ đóng vai trò như khu vực đô thị chức năng. Vấn đề này cần được xem xét trong giai đoạn phát triển đô thị hóa của Thanh Hóa trong tương lai.

Xu hướng mở rộng đô thị để tạo nên vùng đô thị cần có công cụ kiểm soát quy hoạch theo mô hình “đảo đô thị” để có phương án quy hoạch phát triển phù hợp cho từng khu vực, giảm sự tập trung quá lớn vào khu vực đô thị trung tâm sẽ gây tắc nghẽn và quá tải tại khu vực trung tâm là không tránh khỏi.

Đặc điểm đô thị hóa mở rộng tại các đô thị trung tâm tinh lý và đô thị hóa tại chỗ tại các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn cả nước cho thấy chúng ta cần có các giải pháp kết nối tốt hơn giữa đô thị và khu vực nông thôn, các vùng ven đô thị, để khi mở rộng đô thị trung tâm, chúng ta không

gặp khó khăn với các làng xóm đô thị hóa tự phát với chỉ tiêu, điều kiện hạ tầng rất thấp.

Kinh nghiệm từ phát triển đô thị cho thấy chúng ta cần có ranh giới hạn rõ ràng cho từng giai đoạn phát triển đô thị và có biện pháp ứng xử phù hợp với các khu vực làng xóm nằm trong khu vực đô thị, làng xóm nằm trong khu vực dự kiến đô thị hóa và làng xóm nằm trong phạm vi phát triển mở rộng trong tương lai.

Quy mô và chất lượng đô thị

Đánh giá chung quá trình phát triển đô thị trong thời gian qua cho thấy, việc đô thị hóa mở rộng về đất đai không đi liền với đô thị hóa về dân số, nhiều đô thị được mở rộng được tập trung xây dựng các dự án bất động sản về nhà ở để đáp ứng làm sống đầu tư bất động sản của nhà đầu tư và người dân. Điều này dẫn tới nhiều khu đất nông nghiệp được chuyển đổi xây dựng đường giao thông, nhà ở xây thô, nhưng không có người ở (được xã hội gọi là những dự án ma), hiệu quả sử dụng đất thấp và làm lãng phí nguồn lực chung của xã hội.

Xu hướng hiện nay tại các đô thị là sẽ ưu tiên phát triển các dự án tạo ra việc làm, giá trị kinh tế như khu vực sản xuất (công nghiệp, công nghệ, văn phòng), thương mại, văn phòng, trung tâm dịch vụ... gắn với các dự án đầu tư chiến lược để tạo nên động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hạn chế phát triển các khu nhà ở xây dựng đơn thuần như giai đoạn vừa qua.

Theo nhu cầu của người dân đô thị, sau khi đã đáp ứng những



Nhà hát Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa

nhu cầu cơ bản về cơ sở hạ tầng đô thị, nhà ở đô thị, người dân có nhu cầu cao hơn về chất lượng của đô thị như cơ sở hạ tầng chất lượng cao (bệnh viện quốc tế, trường học quốc tế, thiết chế văn hóa), nâng cao về mỹ quan và môi trường đô thị (cây xanh đô thị, công viên đô thị, không gian công cộng), hoặc các cơ sở hạ tầng đặc thù phục vụ cho từng đối tượng, yêu cầu cụ thể của đô thị. Đặc biệt là yêu cầu bảo tồn, giữ gìn các giá trị cảnh quan, văn hóa lịch sử, quy hoạch kiến trúc của đô thị.

Với đặc điểm nêu trên, ngoài yêu cầu nghiên cứu mở rộng không gian đô thị, quy hoạch tổng thể đô thị, công tác quy hoạch phát triển đô thị Thanh Hóa cần tập trung giải quyết một số vấn đề cụ thể sau:

Về cấu trúc phát triển: Các đô thị có quy mô >500.000 người có xu hướng hình thành hệ thống đa trung tâm để phân tán động lực phát triển cho nhiều khu vực và giảm sự tập trung vào trung tâm. Các trung tâm mới cần được quy hoạch phát triển đồng bộ gắn với các

dự án phát triển động lực.

Về không gian: Cần kiểm soát chặt chẽ tầng cao công trình trong đô thị, định hướng cụ thể về khu vực bố trí công trình cao tầng, gắn với khả năng đáp ứng của hạ tầng tại khu vực và yêu cầu kiểm soát cảnh quan đô thị. Đặc biệt cần có quy trình để kiểm soát kiến trúc các công trình cao tầng.

Về cảnh quan: Các đô thị gần đây khá quan tâm tới quy hoạch trồng mới và cải tạo hệ thống cây xanh, công viên, quảng trường, phố đi bộ. Hệ thống cây xanh, phố đi bộ ở Hà Nội, Hạ Long đã làm thay đổi đáng kể hình ảnh đô thị cần được tham khảo.

Về hạ tầng xã hội: Hạ tầng xã hội chất lượng cao gắn với các dự án phát triển đô thị, đảm bảo chỉ tiêu, bán kính phục vụ cho từng khu vực đô thị theo mô hình đơn vị ở trước đây. Cần có phương án giải quyết cụ thể về yêu cầu hạ tầng xã hội cho từng khu vực, đặc biệt là khu vực hiện trạng cải tạo.

Về hạ tầng kỹ thuật: Đặc biệt quan tâm giải quyết, tính toán vấn đề giao thông đô thị, bãi đỗ

KHOA HỌC THANH HÓA

xe, cao độ nền xây dựng, giải pháp thoát nước phòng chống ngập lụt đô thị và các giải pháp hạ tầng kỹ thuật khác. Việc quy hoạch hệ thống hạ tầng cần phải gắn với kế hoạch phát triển đô thị và các biện pháp về quản lý hoạt động đô thị.

Về môi trường đô thị: các vấn đề tai biến môi trường, ô nhiễm môi trường xảy ra gần đây tại các đô thị lớn trên cả nước cũng là bài học để Thanh Hóa có nghiên cứu các giải pháp ứng phó phù hợp như: Cháy nổ trong đô thị, ô nhiễm khói bụi (kiểm soát hoạt động giao thông và hoạt động xây dựng); ô nhiễm nguồn nước; mất an toàn lao động trong hoạt động xây dựng.

Xây dựng bản sắc đặc trưng đô thị

Xây dựng bản sắc đặc trưng đô thị luôn được đặt ra trong công tác quy hoạch phát triển đô thị theo mỗi thời kỳ. Tuy nhiên, trong giai đoạn vừa qua, hầu hết các đô thị tập trung phát triển hệ thống hạ tầng giao thông mở rộng đô thị, xây dựng nhà ở dạng chia lô, dân tự xây, hình ảnh đô thị giống hệt nhau trên địa bàn cả nước, kéo dài từ đô thị xuống nông thôn, lên miền núi bám dọc hai bên đường.

Hiện nay, ngoài việc chú trọng nâng cao chất lượng đô thị, hình ảnh bản sắc riêng đang từng bước hình thành tại các đô thị lớn trên địa bàn cả nước, gắn với các công trình kiến trúc nổi bật, các không gian đô thị hấp dẫn, các trục phố hiện đại, công trình kiến trúc cao tầng... tạo sự hấp dẫn, yêu thích của người dân và du khách. Đô thị thành phố Thanh Hóa đã làm

khá tốt vấn đề này trong giai đoạn vừa qua, cần tiếp tục duy trì trong giai đoạn phát triển tới và đi vào chiều sâu của đô thị.

Có nhiều cách thức khác nhau để xây dựng hình ảnh, bản sắc đặc trưng đô thị, gắn với từng đô thị cụ thể và từng giai đoạn quy hoạch phát triển. Những hình ảnh đặc trưng được duy trì qua nhiều giai đoạn tạo nên linh hồn của đô thị kết hợp với các hình ảnh mới tạo ra sự năng động cho đô thị. Bài học từ phát triển đô thị của Singapore là đô thị xanh gắn với hệ thống cây xanh đặc trưng đô thị, nhưng giai đoạn 3-5 năm lại có 1 tổ hợp công trình kiến trúc mới hấp dẫn, thu hút du khách.

Đối với đô thị thành phố Thanh Hóa, ngoài khai thác cảnh quan từ địa hình tự nhiên (hệ thống đồi núi, sông hồ), cần lưu ý tới việc đánh giá cụ thể các giá trị của đô thị hiện hữu để bảo vệ, bảo tồn và phát huy phù hợp; lưu giữ các ký ức đô thị, công trình kiến trúc đô thị nổi bật qua các thời kỳ. Trong giai đoạn vừa qua chúng ta đã

thay thế nhanh chóng các công trình kiến trúc cũ bằng các kiến trúc mới, khu dân cư đã phần nào làm mất đi ký ức của đô thị.

Hình ảnh đô thị cần phải gắn với các công trình kiến trúc hiện đại, giải pháp thiết kế có chất lượng, nổi bật, hấp dẫn và bền vững với thời gian, phản ánh xu hướng phát triển của quy hoạch kiến trúc quốc tế qua từng giai đoạn. Thành phố Hạ Long đã làm khá tốt vấn đề này khi xây dựng cầu Bãi Cháy; bảo tàng - triển lãm, công viên Sunwold; đường bao biển Trần Quốc Nghiễn... góp phần tạo nên kiến trúc điểm nhấn cho đô thị Hạ Long trong thời gian qua và làm ngõ ngàng du khách mỗi khi đến với Hạ Long.

Nên chăng bản sắc đô thị cần gắn với nâng cao chất lượng đô thị và tạo nên tính cách hoạt động đặc trưng của mỗi đô thị. Đô thị thành phố Thanh Hóa đã làm khá tốt khi xây dựng các khu vực trung tâm với quảng trường nhà hát, trục đường Lê Lợi, quảng trường, trong giai đoạn



*Khu trung tâm hành chính thành phố Thanh Hóa,
Đại lộ Nguyễn Hoàng, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa*

tới cần xây dựng hệ thống trung tâm của các khu vực, trung tâm của các đơn vị ở với các không gian công cộng, công trình dịch vụ hiện đại, hệ thống cây xanh, tiện ích đô thị,... để người dân được tiếp cận dễ dàng hơn với các dịch vụ tiện ích đô thị, duy trì các hoạt động cộng đồng, tạo nên hoạt động chung của đô thị.

Để xây dựng được bản sắc đô thị cần có nhiều nghiên cứu cụ thể hơn, có các công cụ chi tiết cụ thể như các quy chế, quy định quản lý kết hợp với quy hoạch đô thị và có nguồn nhân lực, chuyên gia phù hợp để quản lý phát triển đô thị.

Tổ chức thực hiện quy hoạch

Tổ chức thực hiện theo quy hoạch đang là vấn đề rất lớn trong công tác quản lý phát triển đô thị. Với các bản quy hoạch dài hạn, với nhiều tham vọng phát triển, trong bối cảnh nguồn lực nhà nước ngày một hạn chế, phần lớn nguồn lực xây dựng đô thị đi từ nguồn lực xã hội. Bài học cho công tác tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị như sau:

Một là, quá trình lập quy hoạch cần làm tốt sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt sự tham gia của các doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân được tham gia nhiều hơn vào công tác quy hoạch sẽ lựa chọn các giải pháp phát triển phù hợp với điều kiện thực tế.

Hai là, lựa chọn các giải pháp linh hoạt, năng động để phù hợp với bối cảnh thực tiễn, không chế các điều kiện bắt buộc, các vấn đề cần bảo vệ và để mở các vấn đề cho phép để có thể linh hoạt trong quá trình kiểm soát phát triển.

Ba là, ưu tiên phát triển các dự án chiến lược, dự án động lực thúc đẩy phát triển cho các khu vực đô thị.

Bốn là, kết hợp quy hoạch với các công cụ khác như chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở, kế hoạch đầu tư công,... để xây dựng lộ trình thực hiện quy hoạch cụ thể, chi tiết và khả thi về nguồn lực.

Năm là, huy động nguồn lực xã hội, các nhà đầu tư chiến lược để phát triển các dự án động lực như tạo điều kiện về mặt bằng, tạo cơ chế hỗ trợ, quan tâm giải quyết các vấn đề tồn tại của nhà đầu tư, cam kết đồng hành cùng nhà đầu tư,...

Công cụ quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị

Từ những yêu cầu khá cụ thể của công tác quản lý phát triển của các đô thị lớn trong giai đoạn vừa qua cho thấy, công tác quy hoạch tổng thể theo phương pháp truyền thống như thời gian qua cần phải có đổi mới, điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu quản lý phát triển. Ngoài công tác xây dựng bản quy hoạch tổng thể là nền tảng để chúng ta xây dựng bản Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, từng bước hình thành bộ luật riêng cho yêu cầu quản lý phát triển của từng đô thị.

Ngoài các vấn đề tổng thể, chiến lược của quy hoạch phát triển, chúng ta cần nhiều hơn các nghiên cứu cụ thể của thiết kế đô thị để xác định các giải pháp chi tiết về cải tạo đô thị, xây dựng mới đô thị và tạo nên hình ảnh chung của đô thị. Các quy định cụ thể được bổ sung cập nhật thường xuyên

vào quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc để tạo nên bộ công cụ bằng hình ảnh và văn bản cho công tác thực hiện của cộng đồng. Đô thị thành phố Thanh Hóa cũng cần chọn ra các vấn đề cụ thể để nghiên cứu giải quyết theo từng giai đoạn.

Ứng dụng công nghệ thông minh đang được đặt ra tại các đô thị, tuy nhiên cần phải được thực hiện từ việc xây dựng cơ sở dữ liệu đô thị, lựa chọn các giải pháp thiết kế, giám sát hoạt động xây dựng đô thị và điều chỉnh các hoạt động đô thị với sự giám sát của cộng đồng nhân dân.

Tích hợp quy hoạch các ngành để xây dựng bản quy hoạch tổng thể, thống nhất là yêu cầu chung cho công tác quản lý phát triển và thực hiện quy hoạch trong giai đoạn hiện nay. Do đó quá trình lập quy hoạch, thực hiện quy hoạch cần có sự tham gia của các bên liên quan và cần có nhạc trưởng chung, thống nhất trong chỉ đạo và kiểm soát sự phát triển của đô thị.

Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Thanh Hóa tập trung giải quyết nâng cao chất lượng đô thị, giải quyết các vấn đề cụ thể của đô thị thành phố Thanh Hóa và từng bước khẳng định vai trò nổi bật trong sự phát triển chung của tỉnh Thanh Hóa, của Vùng Bắc Trung Bộ, kết nối với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Để làm tốt điều này cần có nhiều sự đổi mới, sáng tạo trong công tác nghiên cứu, trên nền tảng kế thừa truyền thống phát triển của công tác quy hoạch phát triển đô thị thành phố Thanh Hóa trong thời gian qua./.

Kết quả bước đầu về quá trình nghiên cứu ĐỀ XUẤT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỆ THỐNG THỦY LỢI

Đập Cẩm Hoàng trên dòng chính sông Mã, tỉnh Thanh Hóa

KS. Phạm Xuân Quý

Phó Chủ tịch

Hội Khoa học Thủy lợi tỉnh Thanh Hóa

Sau khi hoàn thành xây dựng vào năm 2010, hồ Cửa Đạt đã phục vụ tưới cho 54.043ha diện tích đồng bằng nam sông Chu; phát điện với công suất lắp máy 97 MW; cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt với lưu lượng 7,715 m³/s; bổ sung nước mùa kiệt cho hạ du để đầy mặn, cải tạo môi trường sinh thái với lưu lượng Q = 30,42 m³/s và góp phần giảm lũ với tần suất 0,6%, bảo đảm mực nước tại Xuân Khánh không vượt quá 13,71m. Khi hệ thống kênh tưới vùng Bắc sông Chu - Nam sông Mã được xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng đợt 1 tháng 7/2017 và đợt 2 tháng 4/2019 với nhiệm vụ chính là tưới cho 86.862 ha đất canh tác (trong đó có 31.084 ha thuộc khu vực Bắc sông Chu - Nam Sông Mã). Như vậy, việc cấp nước cho nông nghiệp, công nghiệp và dân sinh vùng phía nam sông Chu, nam sông Mã, bao gồm cả khu kinh tế Nghi Sơn cơ bản được giải quyết.

Vấn đề đang được quan tâm lớn nhất hiện nay là việc cấp nước cho nông nghiệp, công

nghiệp và dân sinh vùng trung du và đồng bằng tả ngạn sông Mã của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 vẫn đang đặt ra những thách thức vô cùng lớn, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu (BĐKH), để phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) nhanh và bền vững vùng trung tâm động lực phía Bắc (Thạch Thành - Bim Sơn), phát triển hành lang kinh tế vùng Đông Bắc để kết nối cảng Lạch Sung - Nga Sơn - Bim Sơn - Thạch Thành, theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Năm 2013, Đại hội lần thứ III Hội Khoa học Thủy lợi (KHTL) Thanh Hóa, nhiệm kỳ 2013 - 2018 được tổ chức thành công. Ban Chấp hành khóa III được kiện toàn, đã có chương trình kế hoạch hành động để thực hiện Nghị quyết của Đại hội, trong đó công tác nghiên cứu các giải pháp về khoa học, công nghệ để góp phần phát triển KT-XH của tỉnh được lãnh đạo Hội hết sức quan tâm. Ngay trong năm 2013, các đồng chí lãnh đạo Hội, đặc biệt

là các đồng chí đã tham gia công tác chuẩn bị và thực hiện dự án hồ Cửa Đạt, đã tập trung thu thập tài liệu để nghiên cứu đề xuất đầu tư dự án “Hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng trên sông Mã tỉnh Thanh Hóa”.

Theo “Đề án sơ bộ mạng lưới sông Mã” của các kỹ sư người Pháp nghiên cứu, với công trình đầu mối là đập dâng trên sông Mã đặt tại làng Cẩm Hoàng xã Cẩm Minh (nay là xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Lộc), được đệ trình lên Toàn quyền Đông Dương và Bộ thuộc địa Pháp vào ngày 03/8/1931, với mục tiêu chính: tưới tự chảy cho 37.751 ha đồng bằng bình nguyên sông Mã, trong đó vùng hữu ngạn sông Mã (bao gồm diện tích canh tác của toàn bộ huyện Yên Định, một phần diện tích phía tả sông Chu của huyện Thiệu Hóa và huyện Thọ Xuân) là 28.329 ha (nay đã được tưới bởi hệ thống kênh Bắc Chu - Nam Mã của Hồ chứa nước Cửa Đạt), vùng tả ngạn sông Mã (gồm diện tích canh tác của huyện Vĩnh Lộc và một phần của huyện Thạch Thành) là 9.422 ha; hệ số tưới

thiết kế là 0,841/s/ha; tháo nước mưa nhanh cho vùng thấp; bảo vệ vùng Thạch Thành, Yên Định và Thiệu Hóa, chống lũ tràn trên sông Mã và sông Chu.

Đập Cẩm Hoàng hoàn chỉnh thiết kế năm 1936 và dự kiến khởi công vào năm 1939, tuy nhiên lúc này xảy ra Đại chiến thế giới lần thứ II (1939 - 1945), việc đầu tư xây dựng đập Cẩm Hoàng phải dừng lại cho đến nay.

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy vùng trung du

vực này có 268 trạm bơm điện (bao gồm cả trạm bơm Hoàng Khánh), bơm nước trực tiếp từ sông Mã, sông Lèn và các sông nội vùng tưới cho 32.946 ha. Tuy nhiên, lại phát sinh một số vấn đề nan giải: sự sụt giảm dòng chảy cơ bản, hạ thấp mực nước trên các triền sông, ô nhiễm nguồn nước mặt, sạt lở bờ sông và xâm nhập mặn gia tăng. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng đập Cẩm Hoàng, phát triển vùng phía Bắc sông Mã của tỉnh là rất cần thiết và cấp

Hóa và huyện Thạch Thành; cấp nước cho công nghiệp và dân sinh với nhu cầu 5.25 m³/s; đảm bảo dòng chảy môi trường hạ du sông Mã (tại ngã ba Giàng) là 50 m³/s; kết hợp phát điện với công suất lắp máy N_{lm} = 16.0 MW; là bậc thang cuối cùng trên sông Mã để phối kết hợp với các bậc thang phía thượng lưu, kiểm soát dòng chảy kiệt, dòng chảy lũ, quản lý hiệu quả nguồn nước trước các tác động xấu của thiên tai và biến đổi khí hậu; kết nối cơ sở hạ tầng theo qui hoạch của tỉnh và tạo ra một mạng lưới giao thông thủy - bộ gắn kết với mạng lưới giao thông trong vùng đã có.

Về quy mô của dự án, cụm công trình đầu mối bao gồm đập dâng tạo đầu nước, có tổng chiều dài 260 m, kết hợp cầu giao thông phía hạ lưu đập có tải trọng HL93; đường cá đi và xả dòng chảy môi trường, chiều rộng B = 18.5 m; âu thuyền gồm 2 khoang thông thuyền, mỗi khoang rộng B = 20 m; nhà máy thủy điện sau đập bên bờ phải với công suất phát điện N_{LM} = 16 MW và trạm phân phối điện ngoài trời; kênh và công trình trên kênh (kênh chính từ đầu mối đến điểm chia nước: L_{kc} ≈ 26 km; kênh Bắc từ điểm chia nước đến bể xả trạm bơm Sa Loan: L ≈ 13,5 km; kênh Nam từ điểm chia nước đến bể xả trạm bơm Hoàng Khánh: L ≈ 8,0 km và các công trình trên hệ thống kênh).

Ngày 21/6/2014, Hội KHTL Thanh Hóa phối hợp cùng Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNN)



Hội thảo khoa học Đề xuất nghiên cứu xây dựng hệ thống thủy lợi Cẩm Hoàng trên sông Mã

và đồng bằng tả ngạn sông Mã tỉnh Thanh Hóa gồm các huyện: Vĩnh Lộc, Hà Trung, Bim Sơn, Nga Sơn, Hoàng Hóa, Hậu Lộc và một phần của các huyện Cẩm Thủy (4 xã), Thạch Thành (2 xã), với dân số 823,720 người, xấp xỉ ¼ dân số toàn tỉnh; diện tích tự nhiên là 106.843,45 ha, diện tích đất nông nghiệp là 48.002,56 ha, trong đó diện tích đất lúa nước là 36.150,08 ha. Hiện nay khu

bách, nhất là trong điều kiện BĐKH diễn biến ngày càng phức tạp.

Mục tiêu của dự án đề ra là điều tiết dòng chảy tạo đầu nước để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp (tưới cho diện tích 30.287 ha) vùng trung du và đồng bằng bắc sông Mã, tỉnh Thanh Hóa, bao gồm Bim Sơn, Hà Trung, Hoàng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn, Vĩnh Lộc, một phần của thành phố Thanh

KHOA HỌC THANH HÓA

tổ chức Hội thảo khoa học “Báo cáo đề xuất nghiên cứu xây dựng hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng trên sông Mã”. Ngày 24/6/2014, Hội có văn bản số 13/BC-HTL gửi Thường trực Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về đề xuất dự án “Hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng trên sông Mã tỉnh Thanh Hóa”, sau đó còn tổ chức các chuyến đi thực địa và 2 lần báo cáo tại Văn phòng UBND tỉnh với lãnh đạo UBND tỉnh, đại diện các sở, ban ngành liên quan về công trình trên.

Ngày 10/7/2017, Văn phòng UBND tỉnh đã có thông báo số 131/TB-UBND về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh, trong đó: tạm dừng các hoạt động của dự án thủy điện Cẩm Thủy 2; giao Sở NN&PTNT khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ, trình duyệt dự án Quy hoạch thủy lợi chi tiết vùng Bắc sông Mã đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trong 6 tháng cuối năm 2017, trong đó đề cập đến việc nghiên cứu bổ sung công trình thủy lợi - thủy điện Cẩm Hoàng vào Quy hoạch ở thời điểm thích hợp. UBND tỉnh cũng đã có các văn bản số 9813/UBND-NN ngày 15/8/2018 và số 7434/UBND-NN ngày 14/6/2019, đề nghị Bộ NN&PTNT giao Ban Quản lý đầu tư xây dựng thủy lợi 3 làm chủ đầu tư nghiên cứu lập dự án hệ thống công trình đập thủy lợi Cẩm Hoàng trên sông Mã. Do Ban Quản lý đầu tư xây dựng thủy lợi 3 giải thể để thành lập Công ty TNHH MTV khai thác thủy

lợi Cửa Đạt theo Quyết định số 4818/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/01/2020 của Bộ trưởng NN&PTNT, như vậy sẽ không còn chức năng làm chủ đầu tư nghiên cứu lập dự án đầu tư nữa (theo Báo cáo của Ban 3 tại văn bản 410/QLĐT-KHTĐ ngày 31/12/2020).

Ngày 28/01/2021, Hội KHTL có văn bản số 01/2021/CV-HKHTL đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh về Quy hoạch, đầu tư xây dựng Hệ thống Thủy lợi đập Cẩm Hoàng và giao đơn vị chủ trì đầu mối thực hiện. Ngày 5/3/2021, Hội tiếp tục có văn bản số 02/2021/CV-HKHTL tham gia góp ý “Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết 58-NQ/TW của Bộ Chính trị”, trong đó có mục 137 của Phụ lục số 2 về “Hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng trên sông Mã”

Quá trình nghiên cứu và báo cáo đề xuất dự án “Hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng trên sông Mã” đến nay đã có những kết quả bước đầu như sau:

Một là, Nghị quyết 390/NQ-HĐND tỉnh ngày 26/4/2021 về dự kiến lần 1 kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, trong đó danh mục Đập Cẩm Hoàng (tổng mức đầu tư là 7.000 tỷ đồng) được ghi tại mục 7 Phụ lục V của Nghị quyết;

Hai là, Bộ NN&PTNT đã có văn bản số 3890/BNN-KH ngày 23/6/2021 trình Chính phủ về Danh mục và mức vốn đầu tư công vốn Ngân sách

nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 (vốn trong nước), trong đó Đập Cẩm Hoàng được ghi vốn 7,9 tỷ đồng;

Ba là, Ngày 5/7/2021, UBND tỉnh có văn bản số 9546/UBND-NN về việc thực hiện nghiên cứu lập dự án hệ thống công trình đập thủy lợi Cẩm Hoàng, trong đó: giao Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật dự án trên vào danh mục ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 trong hợp phần Quy hoạch Phát triển hệ thống thủy lợi và Phòng, chống thiên tai được tích hợp vào quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; giao Sở NN&PTNT phối hợp với Bộ NN&PTNT, các bộ, ngành Trung ương và Viện Quy hoạch Thủy lợi bổ sung dự án vào Quy hoạch Phòng, chống thiên tai và Thủy lợi quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050...

Với những kết quả bước đầu như đã nêu ở trên và sự quyết tâm cao trong chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, Hội KHTL Thanh Hóa tin tưởng rằng dự án “Hệ thống thủy lợi đập Cẩm Hoàng trên sông Mã” sẽ có đủ cơ sở để đầu tư xây dựng trong thời gian sớm nhất có thể, để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết 58/NQ-TW ngày 5/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045./.

Kết quả nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ của **VIỆN NÔNG NGHIỆP THANH HÓA**

TS. Nguyễn Đình Hải

Viện Trưởng

Viện Nông nghiệp Thanh Hóa

Viện Nông nghiệp Thanh Hóa được thành lập theo Quyết định số 664/QĐ-TT, ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở sáp nhập 7 đơn vị; trong đó, có 6 đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNN) và 1 đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN). Viện Nông nghiệp Thanh Hóa là đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập, trực thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu KH&CN, tư vấn chiến lược phát triển và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Viện chính thức đi vào hoạt động từ tháng 4/2019 trên cơ sở Quyết định Số 1152/QĐ-UBND ngày 2/4/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Viện Nông nghiệp Thanh Hóa. Trong đó, nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể là:

Xây dựng chương trình, dự án, kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ vào nông nghiệp dài hạn, 5 năm và hàng năm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

Thực hiện nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ thuộc các lĩnh vực:

Nghiên cứu chọn, tạo, sản xuất các loại giống cây trồng nông nghiệp, cây trồng lâm nghiệp, giống vật nuôi, giống thủy sản, giống nấm, vi sinh vật có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản.

Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản và công nghệ sinh học; công nghệ tiên tiến trong thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và chăn nuôi.

Nghiên cứu, phối hợp nghiên cứu về các loại bệnh trên cây trồng, vật nuôi; nghiên cứu về dịch tễ học và đề xuất các biện pháp phòng trị; nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường đến dịch bệnh trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; thử nghiệm các hóa dược, vắc xin trên cây trồng, vật nuôi.

Lưu giữ, bảo tồn, phát triển và nhân thuần giống cây trồng nông nghiệp, cây lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng và các chủng vi sinh vật, nấm có giá trị kinh tế cao. Tham gia thực hiện dự trữ giống và vật tư nông nghiệp theo phân công của UBND tỉnh và quy định của pháp luật.

Tuyển chọn, khảo nghiệm và sản xuất thử giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, giống nấm và giống vi sinh vật.

Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các quy trình kỹ thuật, công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản. Nghiên cứu,

KHOA HỌC THANH HÓA

quan trắc, đánh giá tác động môi trường, biến đổi khí hậu phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn; xây dựng, đề xuất các chương trình kiểm soát, giám sát môi trường trong sản xuất nông nghiệp; xây dựng, cung cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ phòng ngừa, cảnh báo dịch bệnh trong sản xuất nông nghiệp.

Nghiên cứu xác lập các quy định, quy chuẩn an toàn trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với xu thế phát triển hội nhập và điều kiện sản xuất nông nghiệp của tỉnh; phân tích, xét nghiệm, đánh giá các chỉ tiêu liên quan đến sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi; kiểm định, kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng giống cây trồng, phân bón, thức ăn chăn nuôi, các vật tư, sản phẩm nông nghiệp khác, an toàn thực phẩm phục vụ công tác quản lý nhà nước và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Nghiên cứu, đánh giá hệ thống chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn; các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh, các mô hình hợp tác trong nông nghiệp, các vấn đề về kinh tế, xã hội, môi trường liên quan đến phát triển nông nghiệp và nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyên gia công nghệ, khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản; đào tạo,

liên kết đào tạo nguồn nhân lực ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật. Tổ chức xuất bản Tạp chí, Bản tin nông nghiệp và phát triển nông thôn, các tài liệu và sách báo chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ yêu cầu quản lý Nhà nước về nông nghiệp, phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới; thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc trúng tuyển.

Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, đánh giá, phân tích, xây dựng cơ sở dữ liệu về vấn đề nghiên cứu thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của Viện. Cung cấp thông tin, dự tính, dự báo phục vụ sản xuất, tiêu thụ, nông lâm sản, thủy sản, vật tư nông nghiệp; tổ chức xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm, trưng bày và bán các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện hoạt động dịch vụ, sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm và công nghệ lĩnh vực nông, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy sản; cung cấp dịch vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các sản phẩm phù hợp với lĩnh vực hoạt động chuyên môn của Viện theo quy định của pháp luật; tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, phòng trưng bày để giới thiệu sản phẩm.

Lập dự án đầu tư, các dự án quy hoạch, đề án, phương án,

mô hình dự án về phát triển nông nghiệp nông thôn; tư vấn đầu tư, thẩm định, khảo sát, thiết kế, giám sát, lắp đặt thi công các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi và hạ tầng nông nghiệp nông thôn; báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư, quy hoạch. Lập hồ sơ đăng ký, chứng nhận cơ sở và sản phẩm thân thiện môi trường.

Đo đạc, xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ địa chính, địa hình, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dùng; khảo sát địa hình, địa chất công trình; đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

Quyết định việc mời các chuyên gia, nhà khoa học trong nước và ngoài nước vào làm việc, thực hiện các đề tài, dự án khoa học kỹ thuật của Viện theo quy định của pháp luật.

Tổ chức quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất được giao theo quy định của pháp luật.

Tham gia làm thành viên hội đồng khoa học, thẩm định các đề tài, dự án khoa học công nghệ có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Viện theo quy định của pháp luật.

Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, tài chính, tài sản được giao.

Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được cấp có thẩm quyền giao.

Sau 3 năm thành lập và đi vào hoạt động, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng

sự phối hợp tích cực của các cấp, các ngành và sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết và yêu nghề; với phương châm đoàn kết, sáng tạo, hiệu quả, Viện đã khắc phục khó khăn, phát huy thế mạnh, chủ động khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn lực để nâng cao hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN từng bước đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

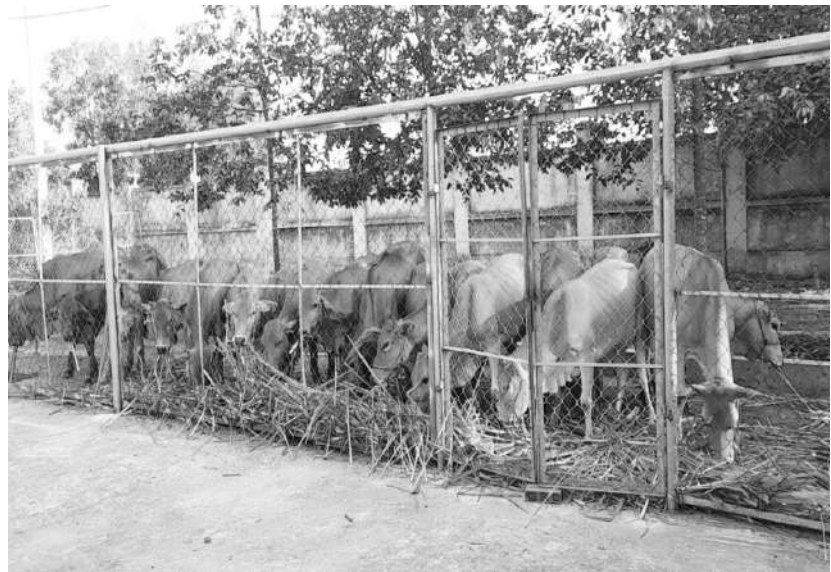
Tiếp tục kế thừa, triển khai rà soát hoàn thiện các kết quả đề tài, dự án nghiên cứu từ các trung tâm sáp nhập thành lập Viện. Chỉ đạo thực hiện 12 nhiệm vụ khoa học; trong đó: lĩnh vực trồng trọt 1 dự án cấp bộ, 3 đề tài dự án cấp tỉnh; lĩnh vực Lâm nghiệp 1 đề tài cấp tỉnh; lĩnh vực chăn nuôi thực hiện 1 dự án cấp bộ, 3 đề tài cấp tỉnh; lĩnh vực công nghệ sinh học 3 dự án cấp tỉnh. 100% các đề tài, dự án đã được nghiệm thu.

Tiếp tục thu hút các đề tài, dự án mới:

Năm 2019: Đã có 2 dự án cấp bộ, 2 đề tài cấp tỉnh được cấp thẩm quyền phê duyệt. Các đề tài, dự án được duyệt thực hiện đang được triển khai đúng tiến độ, nghiệm thu các giai đoạn đạt kết quả.

Năm 2020: Viện tiếp tục thực hiện 2 nhiệm vụ cấp Bộ, 4 nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, 1 nhiệm vụ thuộc Chương trình xây dựng Nông thôn mới và đã đề xuất được cấp thẩm quyền phê duyệt mới 3 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

Năm 2021: Đã được phê duyệt danh mục 1 dự án cấp bộ; 1 đề án sư tầm bảo tồn nguồn gen cây trồng vật nuôi đến 2030; đang trình 4 đề tài, dự án cấp tỉnh. Viện đang tiến hành triển khai thực hiện 26 nhiệm vụ đặc thù ở các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, công nghệ sinh học... theo Đề án phát triển Viện Nông nghiệp giao đoạn 2021 - 2025 được UBND tỉnh phê duyệt.



Bò vàng Thanh Hóa được nuôi bảo tồn tại Viện Nông nghiệp Thanh Hóa

Kết quả hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất:

Hiện nay Viện đang sở hữu và làm chủ 27 quy trình công nghệ, như: công nghệ vi ghép giống cây ăn quả có múi; nhân giống hoa phong lan bằng phương pháp nuôi cấy mô thực vật; sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu; nhân giống, nuôi thương phẩm đồng trùng hạ thảo; sản xuất rượu Linh chi; sản xuất tôm thẻ chân

trắng; nuôi ngao dầu thương phẩm;... Có nhiều công nghệ đã được ứng dụng vào thực tiễn như: cung ứng giống chất lượng cao về cây trồng, vật nuôi ra thị trường; ứng dụng để sản xuất hoặc liên kết với các tổ chức sản xuất, dịch vụ các sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng từ các kết quả nghiên cứu của Viện, tổ chức chuyển giao các công nghệ vào thực tiễn sản xuất trên

địa bàn trong và ngoài tỉnh. Một số quy trình công nghệ đã được chuyển giao rộng rãi trên địa bàn toàn tỉnh như: công nghệ sản xuất giống ngao Bến Tre, tôm thẻ chân trắng, cua xanh; công nghệ tinh phân giới tính để nhân giống bò sữa năng suất chất lượng cao, quy trình kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho trâu;...

Kết quả triển khai, xây dựng các mô hình lưu giữ nguồn gen, khảo nghiệm

KHOA HỌC THANH HÓA

chọn tạo giống mới và dịch vụ khoa học công nghệ:

Về công tác sưu tập, lưu giữ và phát triển nguồn gen cây trồng, vật nuôi và các giống nấm, vi sinh vật: Đã lưu giữ trong phòng thí nghiệm 10.800 bình giống cây các loại, bao gồm: 5 giống mía; 11 giống phong lan; 7 giống đồng tiền; 3 giống chuối; 4 chi lan kim; 2 giống hoa chuông và giống hoa cúc. Lưu giữ 1.440 ống nghiệm giống nấm các loại (linh chi, sò, mộc nhĩ, đùi gà, đông trùng hạ thảo,...). Lưu giữ nguồn gen trong nhà lưới như bưởi Luận Văn S0, bưởi Luận Văn S1; giống Bơ Bút,... Bảo tồn lưu giữ nguồn gen vật nuôi, thủy sản tại Trung tâm Khảo nghiệm và dịch vụ vật nuôi (nguồn gen bò Vàng Thanh Hóa bằng phương thức chuyển vị, ngan Sen, vịt Cổ Lũng, cá Bống bớp,...).

Về nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng mới:

Thu thập đánh giá chọn được 108 dòng vật liệu phục

vụ công tác chọn tạo giống lúa mới; xác định được 2 dòng lúa thuần mới triển vọng là Sao Vàng và Việt Thanh 30. Thực hiện khảo nghiệm vùng sinh thái: 20 giống lúa lai, xác định ra được 7 giống có đặc tính ưu việt và cho năng suất cao hơn so với giống đối chứng và 12 giống lúa thuần chất, xác định ra được 6 giống có đặc tính ưu việt và cho năng suất cao hơn so với giống đối chứng (Việt Thanh 7, Việt Thanh 30, Sao Vàng, Hương Thuần 8, ND 502, Đại Dương 18). Phối hợp với Trung tâm khảo nghiệm Quốc gia khảo nghiệm cơ bản 128 giống lúa và khảo nghiệm sản xuất 59 giống lúa. Khảo nghiệm các giống ngô, đậu, lạc với diện tích 13.000 m².

Tuyển chọn được 3 giống cà chua trong tổng số 8 giống khảo nghiệm, 3 giống dưa leo trong tổng số 6 giống khảo nghiệm; thí nghiệm BPKT rút ra được thời vụ trồng hợp lý cho giống mướp đắng TV208 và xác định được công thức

bón N phù hợp cho giống Bắc cải NS ở vụ xuân; mô hình sản xuất giống rau mới bí đỏ Golstar 888 vụ xuân, diện tích thực hiện 0,1 ha.

Khảo nghiệm tuyển chọn giống đã xác định được 8 giống triển vọng phù hợp phát triển ở Thanh Hóa (trầu bà, lan chi, hồng nhung, tím hồng, đồng tiền đỏ, đồng tiền vàng, cúc pha lê, cúc bảy màu) và 4 giống trồng thủy canh (ngọc ngân, vạn lộc, lưỡi hổ, phát tài); xây dựng được 3 mô hình trồng hoa gồm: mô hình hoa lan (0,02 ha, trồng 2 giống lan Phi điệp và Đại trầu), mô hình hoa hồng (0,2 ha, 1400 chậu) và mô hình hoa ly (0,2 ha, 5000 cây). Hoàn thiện được Bản hướng dẫn kỹ thuật trồng và nhân giống cây hoa hồng.

Xây dựng 3 mô hình cây ăn quả tại xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lặc, gồm: 1,5 ha bơ Sáp; 2,0 ha mít Malaysia; 1,5 ha vú sữa Lò Rèn. Tiếp tục triển khai chăm sóc mô hình cây bưởi diển tại xã Minh Sơn, Ngọc Lặc (1,5 ha); xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân (1,0ha).

Về sản xuất, dịch vụ khoa học công nghệ, Viện đã ứng dụng sản xuất các loại nấm ăn và nấm dược liệu có giá trị; chiết ra các loại rượu như rượu đông trùng hạ thảo, rượu lan Kim tuyến, rượu Linh. Viện đã nghiên cứu thành công việc huấn luyện, khai thác và sản xuất tinh trầu Murrah đông lạnh dạng cọng dạ, nhập khẩu bò đực giống (Brahman) khai thác sản xuất tinh đông lạnh phục vụ chương trình cải tạo,



Lãnh đạo Viện Nông nghiệp Thanh Hóa chụp ảnh lưu niệm với Thường thực Liên hiệp hội Thanh Hóa

nâng cao tầm vóc đàn bò tại Thanh Hóa theo quyết định số 4435/QĐ-UBND ngày 29/10/2019; đã sản xuất được 5040 liều tinh trâu và cấp phát tinh trâu tại huyện Thọ Xuân và thị xã Bỉm Sơn; thực hiện thụ tinh nhân tạo được 2000 bò cái; đào tạo kỹ thuật viên và tập huấn cho nông dân chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt tại các huyện trên địa bàn tỉnh góp phần cải tạo, nâng cao số lượng và chất lượng đàn trâu Thanh Hóa, mang lại hiệu quả kinh tế cho bà con, hộ chăn nuôi. Ngoài ra, đã nhân giống và đưa vào sản xuất một số loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, như: cá rô phi đơn tính, cua xanh, ngao Bến Tre, cá bông bớp, con Phi...; nghiên cứu thành công công nghệ sản xuất ngao giống trong điều kiện ao nuôi; ngoài việc cung cấp được nguồn giống chủ động cho người nuôi cũng giảm áp lực thu gom con giống từ tự nhiên, giảm giá thành sản xuất hơn 4 lần so với sản xuất trong bể; có thể sản xuất 500 triệu con giống/năm, đáp ứng nhu cầu cho 300-1250 ha diện tích nuôi ngao trong tỉnh, giảm ảnh hưởng sinh thái dọc theo bờ biển Thanh Hóa.

Về chuyển giao mô hình ứng dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, Viện đã và đang từng bước ứng dụng các loại máy hiện đại đưa vào sử dụng trong các mô hình sản xuất như máy gặt đập liên hoàn, mạ khay cấy máy, máy bay phun thuốc bảo vệ thực vật với cơ chế hoàn toàn tự

động thông qua một màn hình điều khiển từ xa, kết hợp với cơ chế điều chỉnh góc của cánh máy bay giúp cho việc điều chỉnh góc độ phun được hiệu quả; ứng dụng hệ thống điều khiển thông minh như tưới nước tự động, cung cấp dưỡng chất cho cây bằng công nghệ cảm biến tự động... từng bước giảm dần công lao động phổ thông, giải quyết tình trạng thiếu hụt lao động trong ngành nông nghiệp do chuyển dịch cơ cấu lao động sang các ngành dịch vụ, công nghiệp của nền kinh tế hiện nay.

Thời gian tới, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa định hướng xây dựng và phát triển Viện theo hướng hiện đại và hội nhập, chủ động khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn lực để nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; xây dựng và nhân rộng các tiến bộ kỹ thuật mới, tư vấn chiến lược, cung cấp dịch vụ, góp phần xây dựng nền nông nghiệp hiện đại có khả năng cạnh tranh cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Vì vậy, Viện cần tập trung triển khai một số nội dung sau:

Một là, tập trung tổ chức, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả toàn diện Đề án phát triển Viện giai đoạn 2021- 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND, ngày 24/4/2020.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh thu hút, tổ chức triển khai

có hiệu quả và chất lượng của các đề tài, dự án nghiên cứu các cấp sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Ba là, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả các đề án, nhiệm vụ trên lĩnh vực nông nghiệp mà Viện có thế mạnh.

Bốn là, tập trung công tác sưu tầm, lưu giữ nguồn gen cây trồng và vật nuôi phục vụ công tác nghiên cứu chọn tạo giống mới; du nhập khảo nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi mới phục vụ phát triển nông nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.

Năm là, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ nhằm cung cấp các nguồn giống cây, con có năng suất, chất lượng và các quy trình công nghệ tiên tiến góp phần thực hiện thành công chủ trương tái cơ cấu ngành NN&PTNT, gắn nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức của Viện hướng tới thực hiện cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp của Nhà nước. Đồng thời là thành viên tích cực tham gia thực hiện khâu đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN; chủ động, tích cực tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế xã hội nhanh và bền vững trên địa bàn tỉnh tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025./.

Đảm bảo an toàn thông tin cho Hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến phục vụ xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa

PGS.TS. Nguyễn Mạnh An
Chủ tịch
Hội Tin học Thanh Hóa

Để tăng cường công tác cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng và vận hành “Cổng Dịch vụ công tỉnh Thanh Hóa” và “Hệ thống phần mềm một cửa điện tử cấp huyện”.

Cổng Dịch vụ công (DVC) tỉnh Thanh Hóa hoạt động thông suốt trên môi trường mạng tại địa chỉ <https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn> hiện cung cấp 800 dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4, đã kết nối liên thông với Cổng DVC Quốc gia góp phần hiện đại hóa nền hành chính, công khai, minh bạch, đẩy mạnh việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Bên cạnh đó, hệ

thống phần mềm một cửa cấp huyện được đầu tư, nâng cấp đồng bộ tại 27 huyện, thị xã, thành phố và liên thông hồ sơ các cấp trên địa bàn tỉnh.

Đến hết tháng 7/2021, tỷ lệ tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến cả 3 cấp chính quyền ngày càng tăng. Hiện tại, Cổng DVC trực tuyến của tỉnh đăng tải đầy đủ 1.962 TTHC, trong đó, cung cấp 831 TTHC mức độ 3, mức độ 4 (162 dịch vụ công mức độ 3 và 669 dịch vụ



Giao diện Cổng dịch vụ công tỉnh Thanh Hóa

công mức độ 4). Đã tích hợp 699 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (trong đó có: 142 dịch vụ công mức độ 3 và 557 dịch vụ công mức độ 4) lên Cổng DVC Quốc gia. Từ 01/01/2021 đến 31/7/2021 tiếp nhận và giải quyết trực tuyến toàn tỉnh là 128.902 hồ sơ (mức độ 3: 47.868 hồ sơ, đạt tỷ lệ 88,07%; mức độ 4: 81.034 hồ sơ, đạt tỷ lệ 82,05%).

Sau hơn 2 năm hoạt động, Cổng DVC tỉnh Thanh Hóa và Hệ thống phần mềm một cửa cấp huyện đã mang lại hiệu quả thiết thực, đã hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến mọi lúc, mọi nơi, nhanh chóng, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí, đảm bảo công khai, minh bạch các hoạt động cung cấp TTHC của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, trong thời gian phòng chống dịch bệnh Covid-19, việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm hạn chế tiếp xúc trực tiếp khi giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp đã hạn chế tối đa khả năng lây lan dịch bệnh trên địa bàn tỉnh; người dân, doanh nghiệp thực hiện mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo sự công khai minh bạch, không cần tiếp xúc trực tiếp với cơ quan nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, trước bối cảnh tình hình mất an toàn, an ninh thông tin mạng diễn ra phức

tạp hiện nay, đặc biệt là ngày càng gia tăng các cuộc tấn công mạng có chủ đích nhằm vào các các hệ thống thông tin quan trọng của các cơ quan nhà nước trong thời gian qua, việc bảo đảm sự ổn định thông suốt của cả hệ thống dịch vụ công đồng thời hạn chế các rủi ro về mất an toàn, an ninh thông tin phải được quan tâm hàng đầu, cụ thể cần quan tâm các nội dung sau:

Về chính sách an toàn, an ninh hệ thống

Để quy định việc quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Cổng DVC trực tuyến và hệ thống thông tin một cửa điện tử trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 về Quy chế hoạt động của Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Thanh Hóa. Trong đó quy định rõ các nội dung liên quan đến chính sách về đảm bảo an toàn thông tin đối với các chủ thể liên quan đến phần mềm như yêu cầu bảo mật thông tin tài khoản hệ thống, lưu trữ thông tin, tổ chức hệ thống thông tin...

Mặt khác, để tăng cường đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình khai thác và sử dụng hệ thống. Các quy trình an toàn, an ninh thông tin và bảo đảm an toàn dữ liệu được triển khai thống nhất trong quá trình thiết kế, phát triển phần mềm; trong đó tập trung các nội dung:

Cơ chế truy cập, khai thác hệ thống: Quy định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân có quyền truy cập và khai thác hệ thống phân theo 2 chiều là đơn vị thực hiện và vị trí công tác của từng cá nhân. Theo quy định này, các cá nhân có quyền truy cập hệ thống để thực hiện xử lý hồ sơ thủ tục hành chính sẽ được ghi lại toàn bộ quá trình truy cập và thao tác trên hệ thống (logging). Trong quá trình làm việc, nếu có các truy cập bất hợp pháp vượt qua các giải pháp phân quyền của hệ thống, hệ thống giám sát (hệ thống monitor) sẽ tự động cảnh báo cho cán bộ quản trị theo thời gian thực để tiến hành khoanh vùng, hạn chế quyền truy cập và tiến hành các biện pháp an toàn, an ninh thông tin.

Quy định về chế độ cấp phát, quản lý tài khoản truy cập hệ thống: Quy định này đảm bảo các cán bộ được cấp phát tài khoản truy cập theo quy trình đã được ban hành theo đề xuất của cơ quan chủ quản và đơn vị quản trị hệ thống. Trong trường hợp cán bộ thay đổi vị trí công tác sẽ có quy trình khóa tài khoản để đảm bảo an toàn. Nếu trong quá trình truy cập có hiện tượng lộ thông tin tài khoản (tên truy cập, mật khẩu) do người có tài khoản hoặc hệ thống giám sát thông báo sẽ tiến hành khóa ngay tài khoản và thông báo cho cán bộ quản trị để xử lý theo quy trình thống nhất.

Quy trình ứng cứu xử lý sự cố: Đơn vị được giao vận hành đã xây dựng quy trình ứng cứu xử lý sự cố để khi có hiện tượng truy cập bất hợp pháp, thay đổi giao diện và thông tin hệ thống, hiệu năng hệ thống có hiện tượng giảm bất thường và các trường hợp ảnh hưởng an toàn khác. Cần có sự phối hợp giữa đơn vị quản lý vận hành và các nhà cung cấp dịch vụ hạ tầng và phần mềm. Bởi vậy, khi có sự cố các đơn vị đã triển khai phối hợp xử lý kịp thời.

Về hạ tầng Công nghệ thông tin

Toàn bộ hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu của Công DVC trực tuyến và phần mềm một cửa điện tử cấp huyện, cấp xã được cài đặt theo mô hình quản lý tập trung tại Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu của tỉnh. Tại Trung tâm cần tiếp tục triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, cụ thể:

Một là, mô hình triển khai của hạ tầng được phân lớp: Lớp truy cập từ Internet tới các ứng dụng và lớp gồm các máy chủ web, proxy; lớp cơ sở dữ liệu. Hệ thống được thiết kế đảm bảo không thể truy cập trực tiếp tới các cơ sở dữ liệu từ Internet. Các công cụ quản trị hệ thống truy cập qua VPN và được quản trị theo địa chỉ IP để chỉ có một số máy được xác định là có quyền truy cập ở mức độ quản trị.

Hai là, hệ thống sao lưu dữ liệu định kỳ 1 ngày/1 lần, thực hiện sao lưu toàn bộ các máy chủ ảo (VM), cơ sở dữ liệu và ứng dụng.

Ba là, theo quy định, hệ thống có cảnh báo truy cập bất hợp pháp từ các IP không nằm trong danh sách được xác định về quyền quản trị và cảnh báo qua SMS, email tới cán bộ quản trị để có biện pháp xử lý kịp thời.

Bốn là, định kỳ rà soát mã độc tại các máy chủ của hệ thống 1 lần/tuần và tiến hành xử lý sự cố ngay khi có các cảnh báo của các cơ quan chức năng.

Năm là, toàn bộ hệ thống được giám sát tập trung tại Trung tâm thông qua màn hình giám sát và hệ thống cảnh báo truy cập trái phép.

Để vận hành và đảm bảo hoạt động của hệ thống hoạt động thông suốt 24/7, cần kiện toàn, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ của đơn vị trong việc duy trì, chủ động sẵn sàng ứng phó, xử lý sự cố, giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn thông tin trên hệ thống, cụ thể:

Một là, các phần mềm hệ thống được cập nhật các bản vá lỗi theo tần suất 1 tháng/1 lần hoặc theo chế độ cập nhật của đơn vị phát hành phần mềm một cách tự động.

Hai là, để phòng chống các tấn công thay đổi nội dung, giao diện phần mềm và các truy cập bất hợp pháp khác,

Trung tâm triển khai hệ thống dự phòng dữ liệu sẽ được chuyển thành hệ thống chính không quá 30 phút (từ khi phát hiện sự cố).

Ba là, tất cả các dịch vụ của các nhà cung cấp khác đều không được phép kết nối trực tiếp tới các máy chủ ứng dụng, mà phải qua thiết bị bảo mật để đảm bảo xác thực IP và kiểm tra tính đúng đắn của các dịch vụ trước khi được sử dụng.

Với các biện pháp an toàn, an ninh thông tin đã triển khai, từ khi bắt đầu hoạt động đến nay, hệ thống Công DVC trực tuyến và phần mềm một cửa điện tử hoạt động an toàn, ổn định, đảm bảo thực hiện các dịch vụ công một cách thông suốt.

Tuy nhiên, trước tình hình các cuộc tấn công mạng ngày càng tinh vi, việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đang trở nên cấp thiết và cần được quan tâm thường xuyên, liên tục. Trong thời gian tới, đơn vị vận hành hệ thống cần phải tiếp tục tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên trách trong lĩnh vực này; hoàn thiện các hệ thống dự phòng; đặc biệt là triển khai các giải pháp giám sát, cảnh báo sớm các nguy cơ về mất an toàn thông tin để qua đó duy trì chất lượng tốt, hiệu quả của hệ thống DVC trực tuyến nói riêng và các hệ thống thông tin dùng chung của Thanh Hóa nói chung./.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÃ HỘI HÓA CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ GIAI ĐOẠN 2017 - 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

CN. Hà Sĩ Thắng

Ủy viên Thư ký

Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa

Ngày 25/5/2017, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 705/QĐ-TTg ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021, trong đó giao Hội Luật gia Việt Nam chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và Liên đoàn Luật sư Việt Nam ban hành Kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2013 - 2016 đến năm 2021.

Tại Thanh Hóa, ngày 12/7/2017, Chủ tịch UBND tỉnh có Quyết định số 2459/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021, trong đó giao Hội Luật gia tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp,

Sở Tài chính và Đoàn Luật sư tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, căn cứ hướng dẫn của Hội Luật gia Việt Nam, Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa đã chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp, Sở Tài chính và Đoàn Luật sư tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành



Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa phổ biến, tư vấn pháp luật về đất đai tại xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân

KHOA HỌC THANH HÓA

Kế hoạch số 148/KH-UBND, ngày 05/9/2017 về việc thực hiện Đề án Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, trong đó giao Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp, Sở Tài chính và Đoàn Luật sư tỉnh triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án.



Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa phổ biến, tư vấn pháp luật về đất đai tại phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa

Tại các địa phương trong tỉnh, Hội Luật gia các huyện, thị xã, thành phố đã tham mưu Chủ tịch UBND xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch thực hiện Đề án tại địa phương.

Các hoạt động và kết quả chủ yếu đạt được trong quá trình triển khai thực hiện Đề án Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là:

Quán triệt, phổ biến Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành

Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức quán triệt, phổ biến đến tất cả các tổ chức hội trực thuộc nội dung Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021 ban hành kèm theo Quyết định số

2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; các Kế hoạch thực hiện Đề án cả giai đoạn và từng năm của Hội Luật gia Việt Nam và Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa, làm cho các tổ chức hội và hội viên nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp hội và hội viên trong việc thường xuyên, kịp thời tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cho Nhân dân.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý (PBGDPL, TGPL) kết hợp với tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL, TGPL cho cán bộ, hội viên Hội Luật gia

Hội Luật gia tỉnh đã chủ trì, phối hợp các địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức 11 hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu các văn bản pháp luật quan trọng, mới ban hành, tác động tới đông đảo người dân và liên quan trực tiếp đến việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức cơ sở kết hợp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL, TGPL cho cán bộ, hội viên Hội Luật gia với tổng số 2.158 lượt người tham dự tại các huyện Thọ Xuân (2 cuộc), Nông Cống, Vĩnh Lộc, Quảng Xương (2 cuộc), các thành phố Thanh Hóa (2 cuộc), Sầm Sơn (2 cuộc) và Trường Chính trị tỉnh.

Ngoài ra, Hội Luật gia tỉnh còn phối hợp UBND các huyện Như Xuân, Thọ Xuân, thành phố Sầm Sơn và Công an huyện Nông Cống tổ chức 4 cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng PBGDPL, TGPL cho cán bộ, hội viên Hội Luật gia với 584 người tham dự.

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật và trợ giúp pháp lý khác

Trong giai đoạn 2017 - 2021, Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa còn tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật và trợ giúp pháp lý bằng các hình thức phong phú, đa dạng như:

Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 09/11 hàng năm;

Trung tâm Tư vấn pháp luật Tỉnh Hội tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý 289 vụ việc; tham gia tố tụng, bảo vệ quyền lợi cho đương sự tại phiên tòa 16 vụ việc, đại diện ngoài tố tụng 23 vụ việc;

Thực hiện 21 chuyên mục Dân hỏi - Luật gia trả lời và một số nội dung khác trên Báo Thanh Hóa;

Tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đặc san Khoa học Thanh Hóa;

Tuyên truyền, phổ biến, tư vấn, giải đáp pháp luật trên Website Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa;

Chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật về đất đai cho 50 người tại phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa;

Chủ trì tổ chức và tham gia tổ chức 2 cuộc tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý tái hòa nhập cộng đồng cho 60 người mới chấp hành xong án phạt tù tại các phường Nam Ngạn và Trường Thi, thành phố Thanh Hóa;

Phối hợp Trại giam Thanh Phong (Bộ Công an) tổ chức 2 cuộc tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho 195 phạm nhân được giảm án tha tù trước thời hạn, sắp chấp hành xong án phạt tù và 40 phạm nhân được xét tha tù trước thời hạn có điều kiện của Trại giam Thanh Phong;

Phối hợp Trại Tạm giam Công an tỉnh tổ chức 2 cuộc tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý tái hòa nhập cộng đồng cho 60 phạm nhân của Trại Tạm giam Công an tỉnh;

Hội Luật gia các huyện, thị xã, thành phố chủ trì tổ chức và tham gia tổ chức 463 hội nghị tuyên truyền, phổ biến các luật mới ban hành cho 82.500 lượt người; tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý trực tiếp 1580 vụ việc; tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý thông qua công tác chuyên môn 4590 vụ việc; hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ trong nội bộ nhân dân 6275 vụ việc. Hội Luật

gia thành phố Thanh Hóa, các huyện Đông Sơn, Nông Cống, Tĩnh Gia... thực hiện tuyên truyền, phổ biến, tư vấn, giải đáp pháp luật trên Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện;

Các chi hội Luật gia trực thuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị; thông tin, tuyên truyền hoạt động hội, ngành, cơ quan, đơn vị trên các phương tiện thông tin đại chúng và bản tin, website, tạp chí chuyên ngành; tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý 8260 vụ việc thông qua hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp của cơ quan, đơn vị.

Thực hiện các chương trình phối hợp PBGDPL, TGPL

Trong quá trình thực hiện Đề án cũng như nhiệm vụ thường xuyên, Hội Luật gia tỉnh Thanh Hóa đã phối hợp các cơ quan, tổ chức hữu quan ký kết và thực hiện các quy chế, chương trình, hoạt động phối hợp PBGDPL, TGPL, như:

Phối hợp Báo Thanh Hóa ký kết và thực hiện tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật trên các ấn phẩm Báo Thanh Hóa và trực tiếp cho độc giả của Báo;

Phối hợp Sở Tư pháp và Đoàn Luật sư tỉnh ký kết và thực hiện Chương trình

KHOA HỌC THANH HÓA

tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tập huấn kỹ năng PBGDPL, TGPL;

Phối hợp Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh ký kết và thực hiện Chương trình tuyên truyền, phổ biến, tư vấn pháp luật, hỗ trợ pháp lý, giám sát việc thi hành pháp luật và hòa giải ở cơ sở giai đoạn 2020 - 2025;

Phối hợp Liên đoàn Lao động tỉnh ký kết và thực hiện Chương trình phối hợp công tác giai đoạn 2020 - 2025;

Phối hợp Trại Tạm giam Công an tỉnh ký kết và thực hiện Chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho phạm nhân;

Phối hợp các trại giam của Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến, tư vấn, giải đáp pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho các phạm nhân sắp hòa nhập cộng đồng và được tha tù trước thời hạn có điều kiện;

Phối hợp UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan hữu quan tổ chức các hội nghị phổ biến, giới thiệu các Luật mới ban hành; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng PBGDPL, TGPL.

Những hoạt động và kết quả mà Hội Luật gia Thanh Hóa đạt được trong việc tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp

luật và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2017 - 2021 tiếp tục mang lại hiệu quả, tác dụng thiết thực trong công tác PBGDPL, TGPL, đưa pháp luật đến với các tầng lớp cán bộ, Nhân dân. Ngoài phạm vi cấp tỉnh, Đề án đã được triển khai thực hiện rộng khắp ở các địa phương trong tỉnh. Kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ, năng lực thực hiện công tác PBGDPL, TGPL của các tổ chức Hội Luật gia, các luật gia, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, tư vấn viên pháp luật, đội ngũ làm công tác trợ giúp pháp lý được nâng lên. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức quan tâm hơn đến công tác PBGDPL, TGPL cũng như hoạt động của Hội Luật gia và các luật gia trong công tác này tại địa phương. Sự phối hợp giữa các cấp Hội Luật gia và chính quyền các cấp, các cơ quan, tổ chức hữu quan trong công tác PBGDPL, TGPL được thực hiện ngày càng thường xuyên và hiệu quả hơn.

Qua quá trình tổ chức thực hiện Đề án Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý giai đoạn 2017 - 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, các cấp Hội Luật gia phải chủ động, tích cực

tham mưu đầy đủ, có hiệu quả cho các cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác PBGDPL, TGPL và chủ trương của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa công tác này, làm cho các cấp ủy đảng, chính quyền thực sự coi công tác PBGDPL, TGPL là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và phải được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện thường xuyên, liên tục thì mới đạt hiệu quả cao.

Hai là, các cấp Hội Luật gia phải tích cực, năng động vận động, tìm kiếm, huy động các nguồn lực vật chất và tinh thần trong xã hội đóng góp vào việc thực hiện các hoạt động PBGDPL, TGPL.

Ba là, cần có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc thực hiện các hoạt động PBGDPL, TGPL.

Bốn là, lựa chọn nội dung và có hình thức thực hiện phù hợp với từng nhóm đối tượng trong xã hội thì công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật mới đạt hiệu quả cao./.

Đạy và học chữ Mường đối với người Mường tỉnh Thanh Hóa

CN. Nguyễn Văn Lộc

Phó Chủ tịch

Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa

Người Mường là một trong 54 dân tộc Việt Nam, theo tổng điều tra dân số năm 2019 có 1.452.000 người, đứng thứ 4 sau dân tộc Kinh, Tày, Thái. Ở Thanh Hóa, dân tộc Mường là một trong 7 dân tộc chủ yếu của tỉnh, cư trú hầu hết các huyện, thị, thành phố, tập trung chủ yếu ở 11 huyện miền núi và một số xã ở các huyện giáp miền núi như: Hà Trung, Vĩnh Lộc, Thọ Xuân, Triệu Sơn. Dân số hiện nay trên 380.000 người, chiếm 56,9% dân số dân tộc thiểu số và chiếm 10,6% dân số cả tỉnh, đứng thứ 2 sau dân tộc Kinh.

Phía Tây, địa bàn cư trú dân tộc Mường tiếp giáp với địa bàn dân tộc Thái; phía Đông Nam tiếp giáp với địa bàn dân tộc Kinh, dân tộc Dao; phía Bắc liền khoảnh với người Mường tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình, trở thành trung tâm người Mường Việt Nam. Địa bàn cư trú của người Mường có vị trí rất quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, tài nguyên và môi trường.

Người Mường sớm định canh, định cư sống quần tụ thành làng bản, dọc theo sông

Bưởi, sông Mã, sông Âm,... và các thung lũng, chân núi thấp, nơi có nhiều đất canh tác, gần nguồn nước, thuận lợi giao thông. Người Mường làm ruộng nước lâu đời kết hợp với nương rẫy. Cây trồng chủ yếu là lúa, ngô, khoai, sắn và các cây rau màu: đậu, lạc, vừng,... Trước đây, đồng bào trồng nhiều lúa nếp và ăn nếp quanh năm. Những năm gần đây đồng bào trồng thêm các cây công nghiệp như mía, cao su,... Chăn nuôi chủ yếu là trâu, bò, lợn, gia cầm. Nguồn thu nhập khác của các hộ gia đình là khai thác lâm, thổ sản như gỗ, luồng, tre, nứa, song, mây,...; nghề thủ công truyền thống như trồng bông, ươm tơ, dệt vải, đan lát mây tre,... ngày càng ít dần.

Người Mường xây dựng hình thái xã hội mang dáng dấp thị tộc bộ lạc, gọi là Mường. Mường vừa là một địa bàn tự quản tương đối độc lập, vừa là một không gian sinh hoạt văn hóa - xã hội của cộng đồng dân cư và đã tồn tại hàng nghìn năm. Nhiều nhà nghiên cứu dân tộc học, sử học đều khẳng định người Mường có chung nguồn

gốc với người Kinh là người Lạc Việt. Người Lạc Việt sinh sống trong các Mường được gọi là người Mường; bộ phận tiến ra Kinh kỳ, kẻ Chợ gọi là người Kinh (hay người Chợ). Thời gian phân định thành dân tộc Mường, dân tộc Kinh vào khoảng thế kỷ thứ IX, thứ X sau Công nguyên.

Người Mường có chung nguồn gốc với người Kinh, nên tiếng Mường thuộc nhóm Việt - Mường, chi Môn - Khme, ngữ hệ Nam Á.

Căn cứ vào nguồn gốc và ngữ âm, người Mường Thanh Hóa chia làm 2 nhóm: Người Mường trong (mường gốc), khoảng 260.000 người, chiếm gần 70%, tập trung chủ yếu các huyện: Cẩm Thủy, Bá Thước, Lang Chánh, Ngọc Lặc và người Mường ngoài (có nguồn gốc từ Hòa Bình di cư vào), khoảng 120.000 người, chiếm trên 30%, tập trung chủ yếu các huyện: Thạch Thành, Như Thanh, Như Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn.

Giữa tiếng Mường trong, Mường ngoài và giữa các địa phương, tiếng Mường còn có sự khác nhau về ngữ âm và từ

KHOA HỌC THANH HÓA

vùng, tuy vậy khi giao tiếp, người Mường các vùng vẫn hiểu được tiếng nói của nhau và trao đổi được với nhau bằng tiếng Mường.

Theo Sử thi “Đẻ đất, đẻ nước”, người Mường Thanh Hóa có từ thời mới khai thiên lập địa, mới có đất có mường. Do có bề dày lịch sử, sống quần tụ tập trung và được thiên nhiên ưu đãi, nên người Mường có nền văn hóa đồ sộ, đặc sắc thể hiện qua tiếng nói, văn hóa dân gian như truyện cổ, hát, múa, nhạc, lễ hội,... các phong tục, tập quán, tín ngưỡng,... góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa của tỉnh và văn hóa Việt Nam đa dạng, đậm đà bản sắc dân tộc. Tuy nhiên, những năm gần đây, văn hóa truyền thống của người Mường Thanh Hóa có biểu hiện ngày càng mai một, từ đó bản sắc văn hóa dân tộc Mường cũng phai nhạt dần.

Giá trị to lớn của chữ viết nói chung và chữ Mường nói riêng

Chữ viết nói chung là hệ thống ký hiệu dùng để ghi lại ngôn ngữ. Chữ viết có quan hệ mật thiết với ngôn ngữ nhưng không thể đồng nhất ngôn ngữ với chữ viết. Ngôn ngữ, cái công cụ giao tiếp chủ yếu của con người đâu sao vẫn có những hạn chế nhất định. Các cụ ta thường nói: “Lời nói gió bay”. Mỗi lời nói chỉ được thu nhận vào lúc nó phát ra, sau đó không còn nữa. Như vậy, ngôn ngữ không vượt qua được cái hố ngăn cách về thời gian. Khả năng nhận thức của mỗi người khác nhau và trí nhớ của con người cũng có hạn nên tình trạng “tam sao thất bản” không thể nào tránh khỏi. Với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, hiện nay người ta đã sử dụng điện thoại, máy ghi âm,... nhưng những biện pháp đó

không phải là phổ biến, rộng rãi khắp mọi lĩnh vực. Trong khi đó, chữ viết dựa trên ấn tượng về thị giác cho nên có thể thắng được không gian, thời gian và làm hạn chế hiện tượng “tam sao thất bản”. Nhờ có chữ viết, chúng ta mới hiểu lịch sử quá khứ của nhân loại. Không phải ngẫu nhiên người ta gọi thời kỳ có chữ viết trong quá trình phát triển của loài người là giai đoạn lịch sử còn thời kỳ trước đó là giai đoạn tiền sử hoặc dã sử...

Dạy và học chữ Mường góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc Mường

Chữ viết là một hệ thống ký hiệu đồ họa được sử dụng để cố định hoá ngôn ngữ âm thanh. Chức năng của chữ viết, vì vậy là đại diện cho lời nói.

Ngôn ngữ đi đôi với văn hóa. Muốn bảo tồn văn hóa ta cần bảo tồn ngôn ngữ hay tiếng



Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh Thanh Hóa tổ chức Hội thảo dạy và học chữ Mường cho cộng đồng người Mường Thanh Hóa

nói. Do đó, thông qua việc học chữ Mường để giữ gìn tiếng Mường, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Mường.

Ngôn ngữ là phương tiện truyền đạt ý tưởng và chứng minh sự tồn tại của một dân tộc, mất ngôn ngữ thì sự tồn tại của dân tộc cũng không còn.

Theo thống kê của các nhà ngôn ngữ học từ 5.000 năm nay có 30.000 ngôn ngữ biến mất không để lại dấu vết. Sự tiến bộ của khoa học, văn minh, đã thúc đẩy nhanh cái chết của ngôn ngữ. Ngay châu Âu, mới trong 3 thế kỷ gần đây, khoảng hơn chục ngôn ngữ đã chết. Điều đó, đồng nghĩa với việc có hàng chục, hàng vạn tộc người biến mất do bị đồng hóa.

Thực tiễn gần đây, nhiều từ vựng tiếng Mường cổ không còn, tiếng Mường lai nhiều tiếng Kinh; là người Mường nhưng ít nói hoặc không biết nói tiếng Mường, nhất là thanh niên, thiếu niên ở các thị trấn, thị tứ, trung tâm huyện lỵ, các xã vùng thấp các huyện Thạch Thành, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Như Thanh,... Dạy và học chữ Mường chính là bảo tồn tiếng Mường và cũng chính là bảo tồn người Mường.

Người Mường Thanh Hóa có hệ thống truyện cổ, mo Mường (bài cúng trong tang lễ người Mường), dân ca, ca dao, tục ngữ,...; phong tục, tập quán, tín ngưỡng,... phong phú, đa dạng, đặc sắc. Có chữ viết, người Mường có thể ghi chép lại nguyên văn và truyền lại cho thế hệ sau bằng chữ, thay cho truyền khẩu như hiện nay, để bị thất truyền, mai một.

Dạy và học chữ Mường có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước phát triển mới đối với người Mường Thanh Hóa

Chữ viết là báu vật không gì so sánh được trong việc bảo tồn tiếng nói, văn hóa, bảo tồn ký ức và sự phát triển của một dân tộc. Không có chữ viết thì không ghi được ký ức. Một dân tộc không có ký ức thì dân tộc ấy không có tương lai.

Dạy và học chữ Mường góp phần nâng cao dân trí cho người Mường.

Vì vậy, dạy và học chữ Mường có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước phát triển mới đối với người Mường Việt Nam nói chung, người Mường Thanh Hóa nói riêng.

Dạy và học chữ Mường phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và nhu cầu, nguyện vọng của đồng bào dân tộc Mường Thanh Hóa

Nghị quyết Hội nghị lần thứ V, Ban Chấp hành Trung ương (Khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chỉ rõ: Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình.

Đề án “Bảo tồn tiếng nói, chữ viết, trang phục, nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa” là một trong 60 chương trình, đề án, cơ chế, chính sách thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng

bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2025.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình.

Quyết định số 53-CP ngày 22/02/1980 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về chủ trương đối với chữ viết các dân tộc thiểu số quy định rõ: Tiếng nói và chữ viết của mỗi dân tộc thiểu số ở Việt Nam vừa là vốn quý của các dân tộc đó, vừa là tài sản văn hoá chung của cả nước. Các dân tộc thiểu số chưa có chữ viết đều được giúp đỡ xây dựng chữ viết theo hệ chữ la tinh.

Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc quy định: Hỗ trợ việc giữ gìn và phát triển chữ viết của các dân tộc có chữ viết. Các dân tộc thiểu số có trách nhiệm gìn giữ văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với quy định của pháp luật,...

Dạy và học chữ Mường là một chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước và là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

Trước đây, dù chưa có chữ viết chính thức, nhưng một số trí thức người Mường Thanh Hóa đã dùng chữ Mường theo cách riêng của mình, đó là dùng chữ quốc ngữ để ghi chép tiếng Mường, văn hóa Mường như: Sử thi “Đẻ đất, đẻ nước”,

KHOA HỌC THANH HÓA

Nàng Nga hai môi, Út lót Hồ liêu,... tuy nhiên còn đơn giản, khó sử dụng.

Từ năm 2019, nhiều huyện trong tỉnh như Bá Thước, Thạch Thành đã đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh cho dạy chữ Mường; đồng thời Hội Dân tộc học và Nhân học tỉnh đã tiến hành khảo sát các huyện, các xã có đông dân tộc Mường của tỉnh gồm: huyện Thạch Thành (2 xã), huyện Cẩm Thủy (2 xã), huyện Bá Thước (2 xã), huyện Ngọc Lặc (2 xã). Qua

khảo sát, cán bộ và nhân dân đều thống nhất đề nghị được dạy và học chữ Mường để bảo tồn tiếng nói và bản sắc văn hóa dân tộc Mường đang có nguy cơ mai một.

Do đó, việc dạy và học chữ Mường phù hợp với xu thế thời đại; phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của cán bộ và nhân dân dân tộc Mường Thanh Hóa.

Dạy và học chữ Mường có vai trò to lớn trong việc bảo

tồn tiếng Mường, bản sắc văn hóa người Mường, góp phần vào việc bảo tồn tính đa dạng văn hóa cả tỉnh, cả nước; có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu bước phát triển mới đối với người Mường Thanh Hóa. Đặc biệt, việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Mường nói chung, dân tộc Mường Thanh Hóa nói riêng trong thời kỳ cùng cả tỉnh, cả nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế - xã hội sâu rộng hiện nay càng đặt ra hết sức cấp thiết./.

Có thể bạn chưa biết . . .

THÔNG ĐIỆP 5K

Bao gồm 5 tiêu chí:

Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế.

Theo đó, người dân sẽ phải thực hiện nghiêm chỉnh việc giãn cách xã hội và giữ khoảng cách tối thiểu **2 mét** với người đối diện. Nếu có việc cần thiết ra ngoài, người dân cần thực hiện khai báo y tế, mang khẩu trang và khử khuẩn khi về nhà.

THÔNG ĐIỆP 5T

* ***Tuân thủ nghiêm 5K***, thực hiện nghiêm giãn cách, “ai ở đâu ở đó”. Cách ly người với người, nhà với nhà, xã với xã. Thực hiện nghiêm 5K khi có việc phải ra khỏi nhà.

* ***Thực phẩm đủ tại nhà***. Cung cấp đủ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm để người dân an tâm ở nhà. Đảm bảo an sinh xã hội tại nhà, đặc biệt quan tâm tới gia đình có người nhiễm, người có hoàn cảnh khó khăn, nhóm dễ bị tổn thương...

* ***Thầy, thuốc đến tận gia***. Bảo đảm mọi người dân được chăm sóc y tế. Tổ chức trạm y tế lưu động tại các xã, phường để người dân được tiếp cận dịch vụ y tế; tổ chức quản lý, chăm sóc người nhiễm tại các địa phương áp dụng cách ly, điều trị F0 tại nhà. Cung cấp túi thuốc cho người bệnh. Sơ cấp cứu ban đầu và phát thuốc điều trị bệnh mạn tính cho nhân dân.

* ***Test COVID-19 tất cả***, thực hiện xét nghiệm toàn bộ người dân, đặc biệt là tại các địa bàn có nguy cơ rất cao hoặc nguy cơ cao (vùng đỏ, vùng cam) để sàng lọc, phát hiện sớm người nhiễm, hạn chế lây lan ra cộng đồng và tổ chức chăm sóc người nhiễm phù hợp. Hướng dẫn người dân tự xét nghiệm dưới sự giám sát của nhân viên y tế hoặc đội ngũ tình nguyện.

* ***Tiêm chủng tại phường, xã***, tiêm vaccine phòng COVID-19 ngay ở xã, phường, tại trạm y tế hoặc điểm tiêm lưu động, bố trí nhiều điểm tiêm để người dân trong các nhóm đối tượng tiêm chủng được tiêm vaccine phòng COVID-19 sớm nhất, gần nhà nhất có thể.

TRANG TIN SỰ KIỆN

Hội nghị Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021, phát động tham gia Giải thưởng Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam năm 2021



Thường trực Liên hiệp hội tặng hoa cho 2 hội thành viên mới kết nạp

Ngày 02/7/2021, tại khách sạn Đại Việt, thành phố Thanh Hóa, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) tổ chức Hội nghị Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Liên hiệp hội đã tập trung rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản về tổ chức, hoạt động của Ban Thường vụ, Thường trực Liên hiệp hội; tổ chức các hội thảo phân biện các đề án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được UBND tỉnh giao; tổ chức làm việc với các sở, ngành, huyện, thị xã về xây dựng, phát triển tổ chức tại các huyện, thị xã có đủ điều kiện; trước hết là thị xã Bỉm Sơn và huyện Thạch Thành; làm việc với Trường Đại học Hồng Đức và Viện Nông nghiệp nhằm thúc đẩy việc tập hợp trí thức, ký kết chương trình phối hợp trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, tuyên truyền phổ biến kiến thức về KH&CN cho nhân dân trên địa bàn tỉnh. Liên hiệp hội cũng đã đăng ký với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật

Việt Nam 1 hội thảo khoa học phổ biến kiến thức vào năm 2022 về “Tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống thủy lợi trên sông Mã và ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa”. Đồng thời, tiếp tục triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa năm 2020 - 2021; hỗ trợ các tác giả hoàn thiện hồ sơ gửi về Ban Tổ chức Hội thi; phát động tham gia Giải thưởng Sáng tạo KH&CN Việt Nam năm 2021 trên địa bàn tỉnh.

Sáu tháng cuối năm, Liên hiệp hội tiếp tục tham mưu tăng cường công tác truyền thông phổ biến kiến thức KH&CN, tổ chức các hội thảo khoa học, các diễn đàn KH&CN; tập trung hướng dẫn các hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ, kiện toàn lại lãnh đạo một số hội thành viên; đánh giá kiện toàn lại các trung tâm trực thuộc, giải thể những trung tâm hoạt động không hiệu quả vv...; tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 16/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa; tiếp tục tổ chức triển khai các nhiệm vụ tư vấn phân biện đề án, kế hoạch, chương trình UBND tỉnh giao; triển khai Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch của Ban tổ chức; tham gia Giải thưởng Sáng tạo KH&CN Việt Nam đảm bảo chất lượng, số lượng đúng kế hoạch đề ra.

Tại Hội nghị, Liên hiệp hội đã miễn nhiệm và bổ sung 2 ủy viên Ban Chấp hành; tổ chức kết nạp 2 hội thành viên (Hội Quay phim và Nhiếp ảnh, Liên chi hội Khoa học Lịch sử lực lượng Vũ trang) và 2 đơn vị liên kết (Trường Đại học Hồng Đức, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa).

Xuân Dũng

Thành lập Hội đồng, các tiểu ban chấm điểm Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa năm 2020 - 2021

Ngày 10/8/2021, Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Thanh Hóa (Hội thi) tổ chức họp Hội đồng, các tiểu ban chấm điểm các giải pháp tham gia Hội thi để thống nhất về quy định chấm điểm, xét giải năm nay và bàn giao hồ sơ các giải pháp tham gia cho các tiểu ban chấm điểm. Đồng chí Nguyễn Văn Phát, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) - Trưởng Ban Tổ chức Hội thi chủ trì cuộc họp.

Đến hết ngày 30/6/2021, Ban Tổ chức đã nhận được 109 giải pháp tham gia, trong đó loại 2 giải pháp do không đúng lĩnh vực theo thể lệ Hội thi; số lượng giải pháp tăng gấp đôi so với Hội thi năm 2018 - 2019. Điều này cho thấy Hội thi ngày càng tạo sức hút, góp phần thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống trên địa bàn Thanh Hóa.

Tại cuộc họp, Ban Tổ chức công bố quyết định thành lập Hội đồng, các tiểu ban chấm điểm các giải pháp tham gia Hội thi và quyết định ban hành quy định chấm điểm. Ban Tổ chức thống nhất thành lập 6 tiểu ban đánh giá chấm điểm theo từng lĩnh vực dự thi, gồm: (1) Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông; (2) Cơ khí tự động hóa, xây dựng và giao thông vận tải; (3) Vật liệu, hóa chất, năng lượng; (4) Nông, lâm, ngư nghiệp và tài nguyên môi trường; (5) Y, dược; (6) Giáo dục và đào tạo. Thành viên của Hội đồng, các tiểu ban chấm điểm là những chuyên gia đầu ngành trong từng lĩnh vực, có kinh nghiệm và công tâm trong công tác chấm thi. Các thành viên sẽ đánh giá, chấm điểm theo Quy định về chấm



Toàn cảnh Hội nghị

điểm các giải pháp dự thi Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh Hóa năm 2020 - 2021 do Ban Tổ chức Hội thi ban hành.

Phát biểu chỉ đạo tại cuộc họp, đồng chí Nguyễn Văn Phát, Chủ tịch Liên hiệp hội - Trưởng Ban Tổ chức Hội thi đã tiếp thu những ý kiến đóng góp của các thành viên tham gia hội đồng, tiểu ban chấm điểm. Đồng chí yêu cầu các tiểu ban chấm điểm phải đảm bảo công bằng, chính xác, khách quan và đạt sự thống nhất cao trong từng thành viên. Việc đánh giá cần bám sát với các tiêu chí của Hội thi, theo đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn và phương pháp chấm điểm đã được quy định. Ban Tổ chức sẽ hỗ trợ các tiểu ban về địa điểm làm việc, tư vấn chuyên gia,... để đảm bảo về chất lượng chấm thi.

Đại diện các tiểu ban chấm điểm đã nhận đầy đủ hồ sơ giải pháp dự thi từ Ban Tổ chức. Thời gian hoàn thành đánh giá, chấm điểm và có báo cáo bằng văn bản về Thường trực Ban Tổ chức Hội thi hết ngày 31/8/2021./.

Linh Mai

Phản biện “Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025”

Ngày 05/7/2021, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hoá (Liên hiệp hội) đã tổ chức Hội thảo khoa học phản biện “Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025”.



Các đại biểu tham dự Hội thảo

Phát biểu khai mạc hội thảo, đồng chí Nguyễn Văn Phát, Chủ tịch Liên hiệp hội, khẳng định: Đây là 1 trong 3 hợp phần của chương trình trọng tâm số 4 về “Chương trình nâng cao chất lượng văn hóa, giáo dục, y tế giai đoạn 2021 - 2025” được nêu trong báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2025, với mục tiêu, nhiệm vụ: Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo theo tinh thần Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học, nhất là khu vực miền núi; giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn; thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng, miền; xây dựng các trường phổ thông tư thục đạt chuẩn quốc tế; tăng cường giáo dục nhân cách, kiến thức pháp

luật, xã hội và ý thức công dân cho học sinh, sinh viên; gắn nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo với phát huy nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực đổi mới, sáng tạo.

Đồng chí cũng nhấn mạnh: Hội thảo nhằm tìm ra những luận cứ khoa học, thực tiễn trong việc đánh giá, thực trạng chất lượng giáo dục của Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020, trên cơ sở kết quả và những tồn tại, hạn chế, các bài học kinh nghiệm. Từ đó đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025.

Tại hội thảo, các ý kiến thảo luận làm rõ các vấn đề liên quan đến kết cấu, bố cục của chương trình; nội dung được trình bày trong từng phần, trong đó nhấn mạnh: Việc nâng cao chất lượng giáo dục cần quan tâm, ưu tiên cho việc phát triển giáo dục miền núi; có lộ trình giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên; quan tâm huy động nguồn lực xã hội hoá trong đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học; quan tâm công tác khuyến học - khuyến tài...; bổ sung thêm phần mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu giai đoạn 2021 - 2025.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp tại hội nghị, Hội đồng phản biện đề nghị đơn vị xây dựng chương trình chỉnh sửa, bổ sung bố cục, hoàn thiện nội dung bảo đảm tính khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

Trần Hằng

Hội thảo phản biện “Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025”

Sáng ngày 12/8/2021, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thanh Hóa (Liên hiệp hội) tổ chức Hội thảo khoa học phản biện “Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025” (Chương trình). Đồng chí Nguyễn Văn Phát, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Liên hiệp hội chủ trì Hội thảo.

Tại Hội thảo, thay mặt Hội đồng phản biện, thư ký Hội đồng đã trình bày dự thảo Báo cáo tổng hợp ý kiến phản biện của Hội đồng. Theo đó, dự thảo Chương trình được bố cục với các mục, tiểu mục cơ bản hợp lý, logic. Nội dung đã nêu lên được các chủ trương, chính sách có liên quan; có căn cứ pháp lý. Mục tiêu, nội dung, tổ chức thực hiện Chương trình cơ bản phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề, nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện để Chương trình có cơ sở khoa học, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và khả thi khi triển khai thực hiện.

Các thành viên Hội đồng phản biện cơ bản thống nhất với dự thảo Báo cáo phản biện của Hội đồng phản biện. Các chuyên gia, nhà quản lý đã đưa ra những nhận xét, đánh giá một cách khách quan, thẳng thắn, đúng trọng tâm và những khuyến nghị đối với cơ quan soạn thảo Chương trình góp phần xây dựng Chương trình thực sự có chất lượng và khả thi.

Đồng chí Nguyễn Văn Phát, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Liên hiệp hội thống nhất với nội dung Dự thảo Báo cáo phản biện và ghi nhận các ý kiến tham gia tại Hội nghị. Đồng chí đề nghị cơ quan soạn thảo: xem xét lại tên Chương trình, cần bám sát và cụ thể hóa theo Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 được ban hành kèm theo Quyết định



Toàn cảnh Hội nghị

số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; xác định lại mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và giải pháp của Chương trình cho phù hợp; nội dung về phân công nhiệm vụ của từng sở, ngành, đơn vị có liên quan cần đi liền với nội dung Chương trình; về phần Kinh phí thực hiện cần tham khảo thêm dự thảo thông tư của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;... Liên hiệp hội sẽ hoàn thiện Báo cáo phản biện Chương trình, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, gửi Sở KH&CN tiếp thu và hoàn thiện Chương trình./.

Mai Lê

Hội nghị trực tuyến "Đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng"

Chiều 15/9/2021, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật (Liên hiệp hội) Việt Nam đã tổ chức hội nghị trực tuyến toàn quốc "Đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ (KH&CN) Việt Nam triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng". Đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ dự và chỉ đạo Hội nghị.



Các đại biểu tham dự Hội nghị tại điểm cầu Thanh Hóa

Dự Hội nghị tại điểm cầu Thanh Hoá có các đồng chí: Lại Thế Nguyên, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ, Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; Lê Đức Giang, Tỉnh uỷ viên, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Nguyễn Văn Phát, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Liên hiệp hội Thanh hóa và đại diện lãnh đạo các sở, ngành, đơn vị chức năng.

Tại hội nghị, đại diện các ban, ngành, hội thành viên, các nhà khoa học thuộc hệ thống Liên hiệp hội Việt Nam đã báo cáo kết quả hoạt động nổi bật cũng như đánh giá vai trò của Liên hiệp hội Việt Nam và đội ngũ trí thức KH&CN đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua. Đồng thời đề

xuất các giải pháp, định hướng cốt lõi nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng như quán triệt, triển khai thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển KH&CN; quan tâm xây dựng, tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; nâng cao năng lực hoạt động chuyên môn, đặc biệt là trong phổ biến kiến thức KH&CN, trong công tác nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH&CN và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường...

Thủ tướng Phạm Minh Chính ghi nhận, biểu dương, đánh giá cao vai trò của Liên hiệp hội Việt Nam, đội ngũ trí thức KH&CN trong với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Đồng chí đề nghị Liên hiệp hội Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức và phát huy trí tuệ sáng tạo của đội ngũ trí thức KH&CN; triển khai hiệu quả nhiệm vụ chính trị của mình trên tất cả các mặt công tác; quan tâm khắc phục những tồn tại, hạn chế... Đề nghị các địa phương cần quan tâm tới công tác nghiên cứu khoa học; cầu thị, lắng nghe ý kiến của các nhà khoa học đối với các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình; thực hiện tốt nhiệm vụ huy động hợp tác công tư trong nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh tuyên truyền thành tựu, ứng dụng KH&CN làm sao cho "dân biết, dân tin, dân hiểu, dân làm", góp phần đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững./.

Phong Sắc

KỸ THUẬT

trồng cây sachi tại Thanh Hóa

PGS.TS. Nguyễn Bá Thông
*Hội Giống cây trồng
và Vật tư nông nghiệp tỉnh Thanh Hoá*

Nguồn gốc, phân bố

Cây sachi (*Sacha inchi*) có nguồn gốc tại rừng mưa nhiệt đới Amazon - Nam Mỹ, phân bố chủ yếu từ Bolivia tới Mexico nhưng phổ biến nhất là Peru, Ecuador và Colombia. Ngoài ra, cây sachi còn gặp ở Trung và Nam châu Mỹ, Tây Nam Florida (nước Mỹ), vươn tới tận Đông Nam Á (Thái Lan, Myanmar, Lào, Campuchia, Việt Nam) và các nước Đông Á (Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc). Ở Việt Nam, cây Sachi được phát triển tại một số tỉnh miền núi (Hòa Bình, Lai Châu, Lào Cai, Sơn La, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai...) và cả vùng Bằng sông Hồng (Hà Nội, Hưng Yên, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Ninh Bình...).

Đặc điểm thực vật học

Sachi là cây lâu năm, thân leo hóa gỗ. Thân chính phân thành các đốt, mỗi đốt phân thành cành cách mặt đất 20-30 cm bám vào cọc hoặc giàn để leo. Là cây 2 lá mầm,



Sachi được trồng tại xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, Thanh Hóa

rễ cọc, nhưng sau đó rễ cọc phân nhiều nhánh, đến độ sâu 60-70 cm thì phát triển theo kiểu rễ chùm, len lõi dày đặc trên lớp đất mặt. Lá cây sachi thuộc loại hai lá mầm mọc đối, lá thật mọc cách, phiến lá hình trái tim răng cưa, bản lá dài 10-15 cm, rộng 8-12 cm, cuống lá dài 2-6 cm. Trồng từ 4-5 tháng cây bắt đầu ra hoa. Hoa đực kết thành chùm màu trắng ngà mọc ở nách lá, trục

hoa dài 10-15 cm, có 23 bao phấn/cụm, 4 bao phấn/1 hoa và 8 hạt phấn/1 bao phấn. Hoa cái đơn tính xuất hiện sau hoa đực, mọc từ đốt gốc của chùm hoa đực. Mỗi chùm thường có 2 hoa cái, đôi khi xuất hiện nhiều hoa cái. Hoa cái có vòi nhụy dài 2-2,5 cm, đầu nhụy phân thành 4-7 thùy, số lượng thùy ở đầu nhụy tương ứng với số lượng khoang hạt trong quả. Cây sachi thuộc

quần thể giao phấn chéo, véc tơ truyền phấn chủ yếu là côn trùng. Quả sachi có hình ngôi sao 4-7 thùy (mỗi thùy chứa 1 hạt), khi chín vỏ quả chuyển từ màu xanh sang màu nâu xám. Quả có lớp vỏ ngoài mềm, lớp trong cứng màu nâu bọc kín nhân. Vỏ hạt cứng màu nâu đen, trong lớp vỏ cứng có 1 lớp vỏ lụa mỏng màu trắng ngà bao bọc nhân. Nhân gồm 2 mảnh nội nhũ dính với nhau bởi 1 phôi ở 1 đầu. Năng suất cây sachi đạt 4,0-4,5 tấn hạt khô/ha/năm.

Điều kiện sinh thái

Cây sachi phát triển tốt ở vùng có khí hậu ẩm, độ cao thấp, đất chua và không bị ngập úng. Tuy nhiên, loài cây này có thể sinh trưởng, phát triển được ở độ cao lên đến 1.700 m trên mực nước biển. Nhiệt độ thích hợp từ 10-36 độC, lượng mưa hằng năm khoảng từ 1.200-1.500 mm, có thể sống trong điều kiện khô hạn tới khoảng 7-10 ngày. Cây sachi cũng có thể sinh trưởng trên vùng đất đồi núi hay núi đá vôi và cũng có thể phát triển tốt trên đất đồi điều kiện khó khăn.

Giá trị và công dụng

Sachi là loại cây trồng nhiều tác dụng: cây lâm nghiệp, cây công nghiệp, cây dược liệu... và là cây thực phẩm chiến lược có giá trị dinh dưỡng cao đối với đời sống con người. Sản phẩm chế biến từ sachi rất đa dạng: hạt sachi được dùng để sản xuất dầu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm; lá dùng làm trà thảo dược; ngọn dùng

làm rau; vỏ dùng làm chất đốt, làm phân bón hữu cơ cao cấp... Đặc biệt là giá trị trong dầu của hạt sachi rất cao, các axit béo không bão hòa đạt gần 96%, trong đó: Omega 3 chiếm 48-54% giúp làm giảm cholesterol điều hòa huyết áp, cân bằng các tế bào thần kinh làm giảm các nguy cơ đột tử do bệnh tim mạch gây nên; Omega 6 chiếm 36-38% đóng vai trò trong việc ngăn ngừa các bệnh tim mạch, các bệnh viêm khớp, điều hòa huyết áp, nâng cao trí lực, giảm thoái hóa não, tăng cường thị lực; Omega 9 chiếm từ 7-9% có tác dụng chống rối loạn tim mạch và cao huyết áp...

Kỹ thuật trồng trọt

Lựa chọn vùng trồng: Chọn vùng đất cao, thoát nước tốt, đất có tầng canh tác dày. Vùng đất trồng cây sachi phải thuận tiện cho việc tưới tiêu. Không chọn vùng đất trũng, thoát nước kém. Vùng trồng sachi tốt nhất là vùng núi thấp, trung du và đồng bằng có khí hậu ẩm (trung bình 25-35 độC), lượng mưa phân bố đều và đạt từ 1.200-1.5000 mm.

Thời vụ gieo trồng: Thời vụ tốt nhất để gieo hạt trong khoảng 6-10/7, trồng 9-15/8 (vụ Hè Thu); khoảng 7-10/3 và trồng 6-20/4 (vụ Xuân Hè). Tuy nhiên, vẫn có thể gieo trồng quanh năm nếu việc chuẩn bị đất không khóp được thời vụ trên.

Giống và kỹ thuật nhân giống: Cây sachi có thể được trồng từ cây nhân giống vô

tính và hữu tính. Nếu nhân giống hữu tính cần lưu ý: gieo bằng hạt nhưng cần chú ý chọn hạt tốt, vì các hạt có dầu thường sớm mất khả năng nảy mầm, sau đó ra bầu và cây con được chăm sóc trong nhà lưới. Khi cây được 30-40 ngày tuổi, đạt tiêu chuẩn thì đem đi trồng.

Đất trồng và kỹ thuật làm đất: Đất trồng sachi tốt nhất là đất thịt, thịt nhẹ, đất feralit, đất đồi, đất phù sa ven sông nhiều mùn đủ ẩm. Chọn đất có độ pH từ 5-6,5 và chủ động được tưới tiêu. Đất trồng sachi phải được làm sạch cỏ dại, cày bừa kỹ, phơi ải từ 10-15 ngày, đất tơi xốp. Xử lý đất bằng vôi bột, chế phẩm vi sinh, lên luống rộng 2,0 m cao 30 cm để thoát nước. Sau khi lên luống đào hố kích thước 30 x 30 x 30 cm tại vị trí đã xác định với khoảng cách hố trên luống 1,5 m, bón lót phân theo kỹ thuật bón phân và lấp đất lại.

Mật độ khoảng cách trồng: Mật độ trồng từ 2600 (khoảng cách 2,5m x 1,5m) đến 3.330 cây/ha (khoảng cách 2,0 m x 1,5 m).

Phân bón và kỹ thuật bón phân

Lượng phân bón cho 1 cây/năm: Phân chuồng: 6 kg; vôi: 0,3 kg; phân hữu cơ vi sinh (HCVS): 4,5 kg; NPKSi (15:15:15:1): 1,0 kg.

Kỹ thuật bón phân: gồm có bón lót và bón thúc

Bón lót: Bón lót toàn bộ lượng phân chuồng, vôi và 0,5 kg NPKSi (15:15:15:1).

KHOA HỌC THANH HÓA

Trộn đều lượng phân chuồng, vôi, NPKSi sau đó cho xuống hố vun thành ụ để 5-7 ngày mới trồng. Lưu ý khi trồng cần để cây không tiếp xúc ngay với phân.

Bón thúc:

* Bón thúc đợt 1: Sau trồng khoảng 65-75 ngày (khi cây bắt đầu xuất hiện hoa) lượng bón 0,2 kg NPKSi (15:15:15:1) + 1,5 kg phân HCVS trộn đều, bón xa gốc 10-15 cm và kết hợp với làm cỏ. Trong thời gian bón đến ít nhất 10 ngày phải liên tục giữ ẩm cho cây.

* Bón thúc đợt 2: Bón sau thúc đợt 1 khoảng 130-135 ngày (khi kết thúc thu quả đợt 1) với lượng bón 0,15 kg NPKSi (15:15:15:1) + 1,5 kg phân HCVS trộn đều, bón xa gốc 10-15 cm và kết hợp với làm cỏ, vun gốc (lưu ý khi lấp phân tránh kéo phân vào gốc). Trong thời gian bón phân cần giữ ẩm liên tục để cây phát triển.

* Bón thúc đợt 3: Bón sau thúc đợt 2 khoảng 145-150 ngày (khi kết thúc thu quả đợt 2) với lượng bón 0,15 kg NPKSi (15:15:15:1) + 1,5 kg phân HCVS trộn đều, bón xa gốc 10-15 cm và kết hợp xới xáo để đất tơi xốp, làm cỏ và vun gốc (lưu ý khi lấp phân tránh kéo phân vào gốc). Trong thời gian bón phân cần giữ ẩm để cây sinh trưởng, phát triển.

Kỹ thuật trồng: Khi cây giống đủ tiêu chuẩn xuất vườn (35-40 ngày tuổi) đặt 8-9 lá thật được bóc bỏ vỏ

bầu trồng vào ụ đất, ấn chặt chung quanh gốc, tưới nước đẫm, mặt luống có thể phủ nilon hoặc xác thực vật khô để hạn chế bốc hơi nước và giữ ẩm cho cây. Trong 3-4 tuần đầu sau trồng cách 2-3 ngày tưới 1 lần để cây bén rễ nhanh. Khi cây lên tốt nếu bị hạn thì cần tưới nước.

Đóng cọc, làm giàn: Vật liệu làm giàn là cọc (tre, gỗ, sắt, bê tông) và dây thép chống gi. Cọc dài 2,5 m, đường kính 12-15 cm, đầu trên có thanh ngang dài 60-80 cm (chữ T) để cột dây, chôn cọc sâu 40-50 cm, nện chặt chống đổ. Dùng dây thép bọc nhựa buộc trên đỉnh các cọc, kéo căng, 2 dây tiếp theo cột chặt vào 2 đầu thanh chữ T, cột thêm 1 dây theo cọc cách đầu trên 50-60 cm. Khi cây mọc cao 60-70 cm ngọn vươn dài rất nhanh và leo lên giàn, cần kiểm tra, dùng dây mềm buộc ngọn hướng lên.

Kỹ thuật chăm sóc và quản lý đồng ruộng

Sau trồng đến 20 ngày cần đảm bảo đủ độ ẩm để cây nhanh bén rễ, đồng thời thường xuyên kiểm tra chăm sóc đảm bảo mật độ.

Tưới nước: Giai đoạn đầu cần đảm bảo đủ độ ẩm để cây sinh trưởng, đến khi cây sachi phát triển tốt thì không cần phải tưới nhiều nước. Cần lưu ý nếu gặp mưa to, ngập phải thoát nước ngay.

Khi cây vươn cao tiến hành cắt tỉa bỏ cành không có quả, cành quá rậm, cành khô phía

dưới, vệ sinh vườn để chuẩn bị cây ra hoa các lứa quả. Các năm tiếp theo cứ sau mỗi đợt thu quả chính tiến hành cắt tỉa, làm vệ sinh vườn.

Phòng trừ sâu bệnh hại: Áp dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp để kiểm soát sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Trước khi trồng cần xử lý hố để phòng trừ truyền trùng và nấm bằng vôi bột hoặc chế phẩm Trichoderma. Cây sachi trưởng thành có thể bị bệnh vàng lá, thối rễ, rụng quả do tuyến trùng hoặc nấm gây hại rễ, đồng thời cần phát hiện sớm các loại sâu róm, sâu khoang ăn lá, sâu đục thân, đục quả. Tùy mức độ gây hại có thể phòng trừ bằng thuốc sinh học hoặc sử dụng biện pháp canh tác hợp lý để hạn chế sự lây lan phát triển của sâu bệnh hại. Giai đoạn cây sinh trưởng, phát triển tốt nếu phát hiện các loại bệnh nêu trên có thể dùng các loại thuốc chứa các hoạt chất như: prochloraz; propiconazol để phòng trừ. Cách sử dụng là tưới đẫm gốc cây và phun đoạn thân dưới gốc đảm bảo thuốc tiếp xúc được với nguồn bệnh trong cây và trong đất.

Thu hoạch, sơ chế và bảo quản

Thu hoạch:

* Năm đầu tiên sau trồng phải qua giai đoạn kiến thiết cơ bản (khoảng 7 tháng sau trồng mới cho thu quả đợt đầu). Sau đó cách nhau khoảng 5 tháng thì thu hoạch các lứa tiếp theo.

* Khi quả chín (vỏ quả chuyển màu xanh đen) là lúc thu hái, tuy nhiên quả chín không tập trung nên mỗi đợt phải thu trong nhiều ngày. Cuồng quả dai nên quả treo trên cành 1-2 tuần sau khi chín mà không rụng (có thể dùng tay hoặc liềm để thu quả).



Dầu Sachi Omega

* Khi quả bắt đầu chín cần bố trí lao động thu trong thời gian ngắn để giữ chất lượng hạt không bị thay đổi đảm bảo chất lượng sản phẩm sạch và an toàn. Quả thu đến đâu, cần phơi hoặc sấy khô, nhiệt độ phơi sấy từ 30-40 độC giúp cho hạt giữ nguyên chất lượng dinh dưỡng.

Sơ chế và bảo quản: Quả phơi khô nếu không tách được vỏ thì bảo quản khó khăn vì

thể tích lớn, tốn nhiều đồ đựng, kho chứa, hơn nữa lớp vỏ quả xốp, dễ hút ẩm gây mốc làm chất lượng hạt giảm nhanh, có thể sử dụng máy để tách vỏ quả. Sau khi tách vỏ quả, làm sạch, hạt còn lớp vỏ nâu dày bao bọc, tỷ lệ vỏ

chiếm tới 50% khối lượng hạt nên có khả năng bảo vệ nhân rất tốt. Thời gian bảo quản hạt khô thương phẩm có thể kéo dài trên 6 tháng mà chất lượng dinh dưỡng không thay đổi. Bảo quản hạt trong bao dứa, để trong kho thoáng khí, tránh ẩm mốc. Tuy nhiên, do hạt nhiều dầu, không nên bảo quản lâu ảnh hưởng đến chất lượng dầu./.

DANH NGÔN

Chân lý chỉ có một, nó không nằm trong tôn giáo, mà nằm trong khoa học.

Léonard De Vinci

Suốt đời tôi xưa nay chưa hề có phát minh nào tình cờ. Mọi phát minh của tôi đều là kết quả của sự suy nghĩ kỹ càng, thí nghiệm nghiêm túc.

Thomas Edison

Phát hiện một con đường không thể đi qua, chính là một cống hiến lớn đối với khoa học.

Albert Einstein

Khoa học là liều thuốc giải độc tuyệt nhất cho người bị trúng độc cuồng nhiệt hoặc mê tín.

Adam Smith

Nếu học chỉ là bắt chước, vậy chúng ta sẽ không có khoa học, cũng sẽ không có kỹ thuật.

Gorky

Khoa học không có lương tâm chỉ là đồng gạch vụn của tâm hồn.

Rabelais

Phương pháp thích đáng nhất để nghiên cứu đặc tính của sự vật là suy luận xuất phát từ những cuộc thí nghiệm.

Isaac Newton

Phát triển cây thảo quả trên địa bàn rừng tự nhiên, góp phần quản lý rừng bền vững và tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc H'Mông Thanh Hóa

KS. Khương Bá Tuấn

Hội Lâm nghiệp tỉnh Thanh Hóa

Tiềm năng tài nguyên rừng nhiệt đới tỉnh Thanh Hóa rất phong phú, có nhiều các loài cây lâm sản quý, có giá trị cao về kinh tế xã hội và cảnh quan môi trường. Cây thảo quả là loại lâm sản ngoài gỗ phát triển sinh sống trong rừng tự nhiên, có tên khoa học là: *Amomum aromaticum* Roxb, thuộc họ Gừng: *Zingiberaceae*.

Thảo quả phân bố chủ yếu ở Ấn Độ, Nepal, Nam Trung Quốc, Lào, Campuchia và Việt Nam. Ở nước ta, thảo quả có ở vùng núi cao, dưới tán rừng tự nhiên đất ẩm nhiều mùn như Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Thanh Hóa. Thảo quả ưa môi trường sống dưới tán rừng tự nhiên vùng núi cao từ 500-800m và mây mù kéo dài, là cây ưa bóng, ưa ẩm và chịu lạnh. Cây phát triển tốt trên đất mùn alít núi cao,

nhiệt độ bình quân không lớn hơn 20 độC, dưới tán rừng được che bóng từ 40-70%, độ ẩm cao (> 85%), số tháng có sương mù cao (>7 tháng).

bẹ lá có khía dọc, phiến lá dài tới 70cm, rộng 20cm (hoặc hơn), nhẵn, mặt trên màu lục sẫm, mặt dưới màu nhạt hơn. Cụm hoa dạng bông mọc



Quả của cây thảo quả

Cây thảo quả thuộc loại thân thảo sống lâu năm, có thể cao tới 2-3m, thân rễ mọc ngang nên tạo thành những bụi lớn đường kính tới 2,5-4m. Lá mọc so le, có cuống rất ngắn,

từ gốc dài từ 12-20cm; hoa có màu đỏ nhạt, to. Quả hình trứng, màu đỏ sẫm, đường kính 2-3cm chia 3 ô, mỗi ô chứa nhiều hạt, hạt có áo rất thơm. Cây ra hoa tháng 5 đến

tháng 7, ra quả từ tháng 8 đến tháng 12.

Thảo quả là một loại thảo dược quý, có tác dụng phòng chữa bệnh, làm gia vị trong thực phẩm, hóa chất thơm, có tín nhiệm trong tiêu dùng. Hạt cây thảo quả thường được dùng làm gia vị, khai vị tạo hương thơm trong nhân bánh gai bánh mật, các loại chè nước, mứt, nước gội đầu làm sạch gàu, thơm tóc. Thảo quả được dùng làm gia vị ăn liền với thịt, cá (khi nấu để cả quả, nhưng sau đó lấy ra vì nồng); ngoài ra còn được dùng để thêm vào một số bánh kẹo. Thảo quả có vị ngọt cay, tính ôn, quy vào 2 kinh tỳ và vị, có tác dụng táo thấp, khử hàn, trừ đờm, triệt ngược, tiêu thực, hoá tích, kiện tỳ, giải độc rất tốt. Ngoài ra, thảo quả là thuốc chữa đau bụng, đầy trướng, nấc cụt, nôn oẹ, tiêu chảy, sốt rét, lách to, đờm ảm tích tụ, hôi miệng...

Rừng tự nhiên toàn tỉnh Thanh Hóa hiện có hơn 300.000 ha, chủ yếu là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ bảo vệ môi trường. Cây thảo quả sinh trưởng chủ yếu tại các huyện vùng cao như Quan Sơn, Quan Hóa, Mường Lát, chủ yếu là khu vực của đồng bào dân tộc H'Mông sinh sống. Đặc điểm riêng có của đồng bào dân tộc H.Mông là sinh sống ở vùng núi cao nên rất thông thạo việc leo núi và thu hái bảo quản sản phẩm của cây thảo quả. Tuy nhiên, việc khai thác bảo quản hạt thảo quả của người H'Mông lâu nay chủ yếu dựa vào các cây sẵn có trong rừng gỗ tự nhiên, rất ít hộ gia đình biết tận dụng các khoảng đất trống trong rừng gỗ tự nhiên để gây trồng phát triển cây thảo quả. Việc khoanh nuôi bảo vệ, gây trồng phát triển cây thảo quả vừa bảo đảm phát triển rừng bền

vững, vừa tạo sinh kế cuộc sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số, trước hết là dân tộc H'Mông, góp phần xây dựng và bảo vệ an ninh vùng biên giới hữu nghị giữa hai nước Việt - Lào anh em.

Với chức năng hoạt động tư vấn phản biện của ngành Lâm nghiệp, Hội Lâm nghiệp Thanh Hóa đã đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tỉnh ủy, UBND tỉnh nghiên cứu đưa nội dung phát triển cây thảo quả vào chương trình phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tự nhiên của tỉnh Thanh Hóa và đầu tư ngân sách cho phát triển cây thảo quả nói riêng và cây dược liệu nói chung, góp phần phát huy tiềm năng và phát triển toàn diện kinh tế xã hội của miền núi Thanh Hóa. Hội đã chủ trương phối hợp với huyện Mường Lát chỉ đạo và hướng dẫn việc gây trồng và phát triển cây thảo quả cho các thôn bản dân tộc H'Mông để tận dụng các khu đất trống rừng tự nhiên mở rộng diện tích cây thảo quả, tạo nguồn thu nhập cuộc sống ổn định ngày càng cao, sống gắn bó với rừng, bảo vệ rừng, phát hiện và ngăn chặn nạn lâm tặc phá rừng./.



Người dân thu hoạch thảo quả

NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TẠI THANH HÓA

KS. Cao Thanh Thọ

Phó Chủ tịch

Hội Nghề cá tỉnh Thanh Hóa

Tôm nuôi được xác định là 1 trong 13 sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia của Việt Nam, đã và đang được quan tâm phát triển. Hiện nay, ngành tôm đã có những bước tiến vượt bậc nhờ áp dụng những thành tựu về khoa học công nghệ vào sản xuất giống, thức ăn, nuôi, chế biến, xuất khẩu. Thực hiện Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025, ngày 11/5/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Kế hoạch số 101/KH-UBND về Kế hoạch hành động phát triển ngành tôm tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, trong đó xác định đối tượng nuôi chính có lợi thế phát triển là tôm thẻ chân trắng.

Thanh Hóa có 8 huyện, thị xã, thành phố có nuôi tôm nước lợ, với hơn 2 nghìn tổ chức, cá nhân tham gia nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng. Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi trong nhà màng, nhà

lưới đã chứng minh được tính ổn định, hiệu quả trong sản xuất. Người nuôi tôm tiếp tục chuyển đổi từ diện tích nuôi tôm sú, nuôi tôm thẻ chân trắng trong ao lót bạt ngoài trời sang đầu tư xây dựng ao/ bể nuôi trong nhà màng, nhà lưới. Năm 2020, toàn tỉnh có diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh 540ha, sản lượng đạt 8.000 tấn; đến tháng 6/2021, có khoảng 40ha nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ cao, tập trung ở các huyện Nga Sơn, Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Nghi Sơn, Quảng Xương; năng suất đạt từ 30-50 tấn/ha/vụ, có thể nuôi 3 vụ/năm.

Nuôi tôm chân trắng công nghệ cao theo quy trình khép kín có nhiều ưu thế như: khắc phục được những điều kiện thời tiết bất lợi như nhiệt độ thấp, mưa, nắng nóng; quản lý được dịch bệnh ngay từ ban đầu; quản lý được thức ăn, môi trường, không dùng kháng sinh; rủi ro trong nuôi thấp, năng suất cao; đặc biệt nuôi theo quy trình công nghệ cao là nuôi theo quy trình vi sinh nên cho sản phẩm tôm sạch.

Quy trình nuôi tôm theo công nghệ cao hiện nay thể hiện ở những điểm cơ bản chủ yếu như:

i. Ao nuôi hay bể nuôi có nhà bao che để hạn chế ảnh hưởng bất lợi của thời tiết, chủ động tạo môi trường phù hợp tôm nuôi.

ii. Hệ thống nước cấp thoát được xử lý tốt trước khi vào, ra ao - bể nuôi; đầy đủ các trang thiết bị cần thiết để tạo môi trường thích hợp nhất cho tôm nuôi.

iii. Các yếu tố đầu vào như con giống, thức ăn, chế phẩm sinh học,... được quản lý theo hệ thống, có điều kiện để thực hiện tự động hóa một số công đoạn trong quản lý ao, bể nuôi như tự động đo các chỉ số môi trường...

iv. Áp dụng hình thức nuôi nhiều giai đoạn. Giai đoạn 1: thả giống vào ao nuôi ao nhỏ, hay bể với mật độ cao (2000-4000 con/m²) khoảng 15-20 ngày; giai đoạn 2: chuyển san ao với mật độ thưa hơn (500-600 con/m²) và nuôi tiếp khoảng 20-30 ngày; giai đoạn 3: tiếp tục san thưa mật độ (150- 250 con/m²) ra ao khác để nuôi cho đến khi



Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ cao tại xã Hoàng Hà, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

đạt cỡ thu hoạch. Ưu điểm của việc này là tôm nhanh lớn và dễ về size lớn, ít gặp nguy cơ rủi ro dịch bệnh, hạn chế sử dụng thuốc kháng sinh mà thay vào đó là ứng dụng vi sinh vào nuôi tôm để xử lý môi trường, xử lý đáy, xử lý khí độc, hỗ trợ cho hệ tiêu hóa của tôm giúp tôm phát triển đồng đều.

Hiệu quả của mô hình nuôi tôm công nghệ cao hiện nay: Tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, tạo được sản phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Hiệu quả về kinh tế: Lợi nhuận khoảng 1.5 tỷ đồng/ha/1 vụ (3 tháng).

Hiệu quả về môi trường: Giảm được vấn đề ô nhiễm môi trường trong xả thải so với vấn đề nuôi tôm hiện nay.

Hiện nay nuôi tôm thẻ chân trắng đang có nhiều thuận lợi như thị trường đầu ra ổn định, tỷ suất lợi nhuận cao, công nghệ nuôi luôn được nghiên cứu đổi mới và theo hướng áp dụng công nghệ cao. Tuy nhiên tại Thanh Hóa, nuôi tôm thẻ chân trắng vẫn đang còn gặp rất nhiều khó khăn, tồn tại:

Một là, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh ứng dụng công nghệ cao phát triển chậm, chưa phát huy được tiềm năng lợi thế và cơ hội để tăng giá trị sản xuất trong NTTS. Nguyên nhân chính là do nguồn vốn của dân hạn chế, chưa có nhiều nhà đầu tư đầy đủ tiềm lực về vốn, kỹ thuật (vốn đầu tư xây dựng cơ bản và chi phí sản xuất trực tiếp).

Hai là, các cá nhân, tổ chức muốn tham gia đầu tư nuôi tôm thẻ chân trắng còn gặp khó khăn về việc tiếp cận đất đai để xây dựng cơ sở nuôi do phần lớn diện tích các vùng nuôi tôm tập trung trong đê của tỉnh được chuyển đổi từ đất trồng lúa đã giao ổn định cho nông dân. Các tổ chức, cá nhân muốn đầu tư nuôi tôm đều phải thuê lại theo hình thức trả hoa lợi hàng năm, vì vậy ngoài giá thuê cao còn thiếu tính ổn định, không đủ điều kiện để vay vốn ngân hàng, nhà đầu tư không yên tâm để đầu tư lâu dài.

Ba là, trong quá trình nuôi dịch bệnh vẫn xảy ra làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất.

Mục tiêu đề ra đến năm 2025 diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh theo hướng công nghệ cao là 700ha, sản lượng 10.700 tấn. Để đạt được mục tiêu trên, cần tập trung vào những giải pháp sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt các quy định trong nuôi tôm thâm canh, siêu thâm canh nhất là về quy hoạch, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh, an toàn; chọn lựa con giống, vật tư có chất lượng tốt; tuân thủ quy trình kỹ thuật để nâng cao hiệu quả.

Hai là, phối hợp với các viện, trường tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động làm việc trong lĩnh vực nuôi tôm siêu thâm canh, công nghệ cao; thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ.

Ba là, đẩy mạnh công tác tổ chức sản xuất theo hướng liên kết chuỗi từ cung ứng vật tư sản phẩm đầu vào sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; hoàn thiện các mô hình liên kết chuỗi giá trị trong nuôi tôm để nhân rộng trong toàn tỉnh.

Bốn là, khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ quan, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu nâng cao chất lượng giống, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường và phòng ngừa dịch bệnh,...

Năm là, tổ chức triển khai hiệu quả chính sách của tỉnh hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm thẻ chân trắng./.

Một số phát hiện về nhân vật lịch sử NGUYỄN MỘNG TUÂN

Hương Nao*

Nguyễn Mộng Tuân, tự là Văn Nhược, hiệu Cúc Pha; quê ở làng Viên Khê, xã Đông Anh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; năm Canh Thìn (1400), đỗ Thái học thời nhà Hồ. Nhưng trong sách “Lịch triều đăng khoa lục” thế kỉ XVIII, đã nhầm lẫn Nguyễn Mộng Tuân với Vũ Mộng Nguyên

người cùng thời, quê làng Đông Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, nên một số sách viết về sau cũng nhầm lẫn theo. Ví như sách “Khảo sát truyền thống văn hóa Đông Sơn”, hoặc còn nghi vấn không ghi tên ông vào danh sách các vị đỗ đại khoa của nước ta, ví như sách “Các nhà khoa bảng Việt Nam”.

Điều chắc chắn là Nguyễn Mộng Tuân đã tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, làm quan dưới các triều Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông và Lê Nhân Tông. Ông được cử giữ “Độc quyền” (Giám khảo) các khoa thi Hội năm Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ 3 (1442) và khoa thi năm Mậu Thìn, niên hiệu Thái Hòa thứ 6 (1448),



Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427)

(*) CN. Trần Quốc Chấn, Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Liên hiệp hội Thanh Hóa

với chức vụ trong triều là Môn hạ sảnh Tả tư tả nạp ngôn tri Bắc đạo quân dân bạ tịch, còn được khắc trên bia “Đề danh Tiến sĩ” ở Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội.

Nguyễn Mộng Tuân là tác giả của tác phẩm “Cúc Pha tập”. Sách Toàn Việt thi lục của Lê Quý Đôn (1726 - 1784) còn ghi lại được 135 bài thơ, văn của ông. Trong đó có mấy bài viết về Thanh Hóa như: “Kim Âu sơn trang trì trung song nhận”, “Phục độc Lam Sơn thực lục”, “Văn Thái tổ Cao hoàng đế”. Ngoài ra, các sách khác như “Quần hiền phú tập” của Hoàng Sần Phu và Nguyễn Trù, “Hoàng Việt văn tuyển” của Bùi Huy Bích cũng ghi lại được nhiều bài phú của ông, trong số có các bài rất nổi tiếng, như “Chí Linh sơn phú”, “Hậu Bạch Đằng giang phú”,...

Ở nhà thờ Trịnh Khả (1399 - 1451), xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, hiện còn tấm bia “Thái úy từ đường bi minh” do Nguyễn Mộng Tuân soạn văn vào năm Thái Hòa thứ 6 (1448), nội dung viết về tiểu sử, công tích của Trịnh Khả, một đại công thần của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Đây là bút tích duy nhất Nguyễn Mộng Tuân còn để lại trên quê hương Thanh Hóa.

Vào khoảng năm 1995, ông Nguyễn Hữu Uẩn, tác giả cuốn sách “Danh nhân Đông Sơn” cùng chúng tôi đến làng Viên Khê, xã Đông Anh, huyện Đông Sơn tìm

hiểu về tông tích danh nhân văn hóa Nguyễn Mộng Tuân. Được biết có truyền thuyết dân gian cho rằng thủy tổ của ông là cụ Nguyễn Thế Công, vốn quê gốc ở huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng bây giờ, sau chạy loạn vào lập cư ở Viên Khê, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa. Vợ ông là Thiều Thị Xuân, sinh được 4 con trai, lập cư ở 4 thôn là Cù thôn, Nguyễn thôn, Trần thôn và Chùa thôn. Nguyễn thôn (tức là làng Lê Nguyễn) sau vì bão lụt nên chi họ Nguyễn ở đây phải di cư lên xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa bây giờ. Nhà thờ và lăng mộ Nguyễn Mộng Tuân ở Viên Khê cũng không còn.

Gần đây, chúng tôi có dịp về làng Yên Định, xã Phù Lương, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, quê hương của Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư, gặp nhà nghiên cứu dân gian địa phương Lê Hồng Hạp và đọc cuốn sách do ông viết, thì được biết: “Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư thưở nhỏ nhà rất nghèo, cha mẹ làm nghề mổ lợn, nên được đặt tên là Nguyễn Văn Trư (Trư là con lợn). Chẳng may cha mẹ mất sớm, Văn Trư được một nhà giàu ở hương Đông Sơn, huyện Đông Ngàn (nay là Hoài bão, Tiên Du, Bắc Ninh) đem về nuôi giao việc chăn lợn. Bảy giờ ở hương này có Thái học sinh Nguyễn Mộng Tuân mở trường dạy học. Văn Trư rất thích học, nên những lần chăn lợn vẫn

đứng ngoài nghe lồm thầy giảng. Vốn thông minh nên cậu nghe đến đâu nhớ hiểu đến đấy. Có lần thầy ra đề, học trò trong lớp đang bí, thì Văn Trư đứng ngoài gà bài, khiến thầy Nguyễn Mộng Tuân phải ngạc nhiên và gọi Văn Trư vào lớp hỏi. Chuyện kể rằng thầy Nguyễn nhìn ra ngoài cửa thấy con chim chích đang nhảy bắt sâu trên cành tre, liền dụi mắt, vuốt râu, lấy hai đầu ngón tay vè hai chòm ria mép trước miệng, đưa tay phải ngang ngực, rồi bảo Văn Trư viết cho thầy một chữ có chim chích đậu cành tre. Văn Trư liền viết chữ “Đức”.

Thầy hỏi làm sao biết là chữ “Đức”. Văn Trư liền đáp: Thầy bảo chim chích trên cành tre, thầy quệt mắt vuốt mũi, đó là chữ “Thập”, thầy vè vè hai chòm râu xuống miệng là chữ “Tứ”, thầy đặt tay trước ngực là chữ “Nhất”, chữ nhất đè lên bụng thầy là chữ “Tâm”. Thưa thầy, thầy bảo con viết chữ “Đức” đây ạ!

Thầy Nguyễn Mộng Tuân lắm bẫm đọc:

*“Chim chích mà rích cành tre
Thập trên, tứ dưới nhất đè
chữ tâm.”*

Rồi cất tiếng khen: “Được! Thông minh như thần đồng”. Thầy bèn nói với nhà giàu kia cho Văn Trư đến trường thầy nuôi học, làm đệ tử rửa nghiệp, mài mực.

Văn Trư học rất tấn tới. Về sau chàng đỗ khoa thi Hương, rồi về Kinh dự khoa thi Hội năm Mậu Thìn, niên

KHOA HỌC THANH HÓA

hiệu Thái Hòa (1448) và đã đỗ Trạng nguyên. Nhà vua cho đổi tên Văn Trư thành Nghiêu Tư.

Tư liệu trên giúp ta suy đoán Nguyễn Mộng Tuân có thời kì về cư trú ở hương Đông Sơn, huyện Đông Ngàn, mở trường dạy học. Vì ông cư trú ở địa phương này, khiến một số nhà nghiên cứu về sau nhầm lẫn giữa ông với ông Vũ Mộng Nguyên quê làng Đông Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh. Thực ra khi Vũ Mộng Nguyên về hưu, thì Nguyễn Mộng Tuân đã làm bài thơ tặng, nhan đề: “Tặng Tế tửu Vũ công trí sĩ”. Và lại trong sách Toàn Việt thi lục có mục chép cả thơ của hai tác giả Nguyễn Mộng Tuân và Vũ Mộng Nguyên. Riêng Vũ Mộng Nguyên có 38 bài.

Chuyện Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư theo học với Nguyễn Mộng Tuân là có thật. Bằng chứng hiện Vũ Mộng Tuân còn có bài “Thị môn nhân Nguyễn Nghiêu Tư”, chép trong sách Toàn Việt thi lục, thể hiện mối quan hệ thầy trò giữa Nguyễn Mộng Tuân và Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư. Tuy nhiên, theo suy đoán của chúng tôi thì Nguyễn Nghiêu Tư chỉ học với thầy Nguyễn Mộng Tuân thời kì đầu. Còn về sau, trước khoa thi Hội năm Mậu Thìn, niên hiệu Thái Hòa thứ 6 (1448), ông không học. Bởi lẽ khoa thi đó Nguyễn Mộng Tuân được

cử giữ chức Độc quyền, mà theo thể lệ thi cử thời xưa thì thầy có học trò dự thi sẽ không được cử chấm thi.

Sách Đại Việt sử kí toàn thư đoạn chép về khoa thi Hội năm Mậu Thìn, niên hiệu Thái Hòa thứ 6 (1448) có một chi tiết như sau: “...Cho Nguyễn Nghiêu Tư đỗ Trạng nguyên... (Nghiêu Tư người huyện Vũ Ninh..., từng thông dâm với mẹ vợ, bấy giờ có người ghi vào chuông lợn là: “Phường trạng nguyên”, có người hát ở đường cái rằng: “Trạng nguyên Trư Nguyễn Nghiêu Tư” là chế giễu hành vi xấu xa đó”. Tiếp sau có đoạn chép: “...Có thí sinh làm bài chế văn đến hai câu đối nhau, đáng lẽ phải dùng chữ có vần trắc, lại dùng ngay chữ “hoành” là thanh bằng. Quan sơ khảo phê là thất luật không lấy, quan phúc khảo lại chọn lấy, bảo là học trò hay chữ, phê cho đứng đầu cả trường thi, nói bậy là chữ “hoành” người xưa đọc theo thanh trắc... Bấy giờ khảo quan chỉ nghe lời Nguyễn Mộng Tuân, nên biết mà không nói. Giám khảo Đồng Hanh Phát vì là học trò Nguyễn Mộng Tuân nên biết mà im tiếng. Đồng khảo Nguyễn Thiên Tích rêu rao là nạp ngôn thiên vị, bị Mộng Tuân nổi giận sỉ nhục giữa điện đình...”.

Đoạn chép trong sách Đại Việt sử kí toàn thư nói trên ngụ ý chế riễu về tài năng,

học lực và cả phẩm hạnh của Nguyễn Nghiêu Tư, người đỗ đầu khoa thi Hội năm Thái Hòa thứ 6 (1848). Đồng thời còn qui kết cho “Độc quyền” Nguyễn Mộng Tuân thiên vị, đã bác ý kiến một số khảo quan, lấy Nguyễn Nghiêu Tư đỗ Trạng nguyên(?).

Các truyện dân gian ở quê hương Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư không hề thấy một giai thoại nào nói ông đạo đức tư cách thấp kém như trong sách. Có thể suy đoán xã hội thời bấy giờ, thấy Nguyễn Nghiêu Tư thuở bé chỉ là anh đi ở chăn lợn, không cha không mẹ... mà đỗ Trạng nguyên, nên tung dư luận chế giễu tài năng, đạo đức đích thực của Trạng. Riêng Nguyễn Mộng Tuân dạy dỗ và cru mang Nguyễn Nghiêu Tư từ thuở bé, biết rất rõ cha mẹ ông mất sớm, phải đi ở chăn lợn cho nhà giàu, nhưng ham học, thông minh..., nên cương quyết phản bác, ra sức bảo vệ ông, vì vậy sách sử đã chép như trên.

Theo nghiên cứu của tác giả Lê Hồng Hạp, Trạng nguyên Nguyễn Nghiêu Tư sinh năm 1419 và mất năm 1490. Vậy có thể ngay sau khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi (1427), Nguyễn Mộng Tuân về Bắc Ninh mở trường dạy học và nhận thấy Nguyễn Nghiêu Tư là đứa trẻ nghèo khó, nhưng thông tuệ nên ông đã cru mang nuôi dạy(?).

• VĂN HÓA - LỊCH SỬ - CON NGƯỜI XỨ THANH

Nhiều tác phẩm trước đây đều cho hay không biết năm sinh, năm mất của Nguyễn Mộng Tuân. Song không hiểu tác giả sách “Danh nhân Đông Sơn” căn cứ vào tài liệu nào để viết Nguyễn Mộng Tuân thi đỗ Thái học sinh năm 21 tuổi. Vì thế một số tác phẩm về sau thấy ghi Nguyễn Mộng Tuân sinh năm 1380(?).

Tư liệu về Nguyễn Nghiêu Tư trong khoa thi Hội năm Thái Hòa thứ 6 (1448) chép trong sách Đại Việt sử kí toàn thư, cho thấy một số quan lại trong triều đình bấy giờ không đồng tình với Nguyễn Mộng Tuân chấm cho Nghiêu Tư đỗ Trạng nguyên, nhưng e sợ uy thế của ông Nguyễn nên không dám đàn hặc. Uy thế của Nguyễn Mộng Tuân chẳng những đỗ đạt cao, có tài năng, mà còn được một số danh thần khởi nghĩa Lam Sơn giữ chức vụ chủ chốt trong triều trọng vọng ủng hộ như Trịnh Khắc Phục, Trịnh Khả. Đến năm Tân Mão, niên hiệu Thái Hòa thứ 9 (1451) có thể do bọn quyền thần đồ kị gièm pha, nên các đại công thần Trịnh Khả, Trịnh Khắc Phục đều bị giết và Nguyễn Mộng Tuân cũng bị án theo. “Người tài sĩ” như Nguyễn Mộng Tuân thì bị “Đày vào vòng tai họa” (Đại Việt sử kí toàn thư - Sđd Trang 389). Như trên đã đề cập, Trịnh Khả và Trịnh Khắc Phục có quan hệ mật thiết với Nguyễn

Mộng Tuân, trước hết đều là người đồng hương Thanh Hóa và Nguyễn Mộng Tuân được hai danh thần trên trọng vọng, gần gũi. Năm Thái Hòa thứ 6 (1448), Nguyễn Mộng Tuân đã soạn văn bia cho Trịnh Khả nhan đề: “Thái úy từ đường bi minh”, dựng nơi sinh đường của Trịnh Khả khi ông còn đương chức. Văn bia dài hơn 1200 chữ, nội dung

Nguyễn “nổi giận sĩ nhục họ giữa điện đình”, Trịnh Khắc Phục im tiếng, bỏ qua. Trước đó Nguyễn Mộng Tuân còn theo Trịnh Khắc Phục lên biên giới hội khám với nhà Minh. Vì thế, khi hai vị đại thần họ Trịnh cùng với người con cả bị giết, Nguyễn Mộng Tuân cũng bị tội. Sử sách chỉ cho biết danh nhân Nguyễn Mộng Tuân bị “đại họa”.



Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội

ca ngợi công lao to lớn của Trịnh Khả trong khởi nghĩa Lam Sơn và phò tá 3 vua đầu triều Lê Sơ. Lời văn, chữ nghĩa trong sáng, rất tha thiết chân tình. Còn với Trịnh Khắc Phục cũng tỏ ra thân tình, nể trọng ông Nguyễn. Khi giữ chức Tư khấu, ông Trịnh muốn cấm các khảo quan tư túi, bắt họ phải uống máu ăn thề. Nhưng khi thấy một số giám khảo phản đối Nguyễn Mộng Tuân thiên vị trong khoa thi Hội năm Thái Hòa thứ 6 (1448), và bị ông

Song “đại họa” gì, bị giết hay bị đày biệt xứ thì không rõ. Ít lâu sau khi Lê Nhân Tông nắm quyền từ tay Thái hậu Nguyễn Thị Anh, hai đại thần họ Trịnh được minh oan, sử sách ghi chép cụ thể. Còn Nguyễn Mộng Tuân có được minh oan không, hiện không thấy sử sách nào nói đến.

Hy vọng tương lai sẽ tìm thấy thêm một số tư liệu mới, nhằm làm sáng tỏ hơn về cuộc đời và sự nghiệp của nhân vật lịch sử Nguyễn Mộng Tuân./.

ĐỂ NHỮNG ĐỊA DANH LỊCH SỬ - VĂN HÓA TRÊN ĐẤT BÁ THƯỚC TRỞ THÀNH NHỮNG ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH

PGS.TS. Hoàng Thanh Hải

Phó Chủ tịch

Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thanh Hóa

Dựa vào những tiêu chí của một địa danh lịch sử - văn hóa có thể trở thành một điểm đến du lịch, gồm: (1) Có giá trị văn hóa - lịch sử đặc sắc, hấp dẫn với khách du lịch; (2) Đang còn tồn tại hoặc còn khả năng phục dựng, tôn tạo; (3) Có khả năng kết nối với các địa danh du lịch và loại hình du lịch khác; (4) Đảm bảo về điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm và lưu trú; (5) Có khả năng thu hút khách du lịch thường xuyên và lâu dài, các nhà nghiên cứu đã xác định được 34 địa danh lịch sử văn hóa trên đất huyện Bá Thước phục vụ phát triển du lịch. Trong đó có 9 di tích, danh thắng (Đồn Cổ Lũng - Sân bay Cổ Lũng, Hang Thiết Ống, Đền thờ Quận công Hà Công Thái, Mái Đá Điều, Hang Làng Tráng, Thác Muốn, Hang cá thần Mường Ký, Thác Hiêu, Hang Nước - Hang Bụt), 1 khu du lịch (Khu



Ruộng bậc thang ở khu du lịch Pù Luông, huyện Bá Thước

du lịch Pù Luông) và 3 điểm du lịch (Điểm du lịch bản Đôn, Điểm du lịch bản Kho Mường, Điểm du lịch bản Hiêu) đã được công nhận cấp tỉnh. Số còn lại vẫn chưa được xếp hạng. Như vậy, Bá Thước thực sự là một huyện giàu tiềm năng phát triển du lịch nhất trong 11 huyện miền núi Thanh Hóa.

Nhận thức rõ các địa danh lịch sử - văn hóa là tiềm năng và lợi thế cho phát triển du lịch, vận dụng chủ trương về

phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, theo Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của UBND tỉnh Thanh Hóa, phấn đấu đến năm 2020, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, đến năm 2030, Thanh Hóa trở thành một trong những trọng điểm phát triển du lịch của cả nước. Báo cáo chính trị tại Đại hội

Đại biểu Đảng bộ huyện Bá Thước nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã xác định: “Tập trung đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng các điểm du lịch hiện có trên địa bàn huyện; xây dựng các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng ở khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, như bản Kho Mường, xã Thanh Sơn; bản Đôn, xã Thanh Lâm; Khu Sơn - Bá - Mười xã Lũng Cao, thác Hiêu xã Cổ Lũng, thác Mơ xã Điền Quang... Khôi phục các loại hình văn hóa bản địa, các sản phẩm đặc trưng; đồng thời quảng bá, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư cho du lịch trên địa bàn huyện.... Quản lý, bảo tồn các giá trị di sản văn hóa phi vật thể, các di tích lịch sử đã được xếp hạng, các cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học. Phần đầu đạt 10.000 lượt khách tham quan trở lên, trong số đó chủ yếu là khách quốc tế”. Huyện ủy, UBND huyện Bá Thước cũng đã lập Quy hoạch phát triển du lịch của huyện nhà. Quy hoạch đã xác lập 3 trung tâm du lịch của huyện là: (1) Cụm du lịch Quốc Thắng với các sản phẩm du lịch tham quan khám phá tự nhiên Pù Luông; du lịch nghỉ dưỡng cao cấp; du lịch thương mại, du lịch tham quan nông nghiệp; du lịch văn hóa - lễ hội. (2) Cụm du lịch phía Tây huyện Bá Thước bao gồm các xã Văn Nho, Kỳ Tân, Thiết Kế với các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch tham quan

cảnh quan tự nhiên, du lịch nghỉ dưỡng chữa bệnh, du lịch trải nghiệm, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch tham quan sông Mã. (3) Cụm du lịch phía đông nam huyện Bá Thước bao gồm các xã Điền Quang, Lương Ngoại với các sản phẩm du lịch tham quan cảnh quan tự nhiên; văn hóa - lễ hội dân gian; nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch cộng đồng.

Huyện và ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã lập danh mục ban đầu các điểm du lịch của huyện, bao gồm: Mái Đá Điều và các di tích khảo cổ học thời tiền sử; Đồn Cổ Lũng, sân bay Cổ Lũng; Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông; Hang Nửa; Thác Hiêu; Thác Muồn và một số hang động làng Muồn; Hồ đập Thanh Minh - Hạ Long trên cao nguyên ở xã Điền Hạ; Phố Chợ Đòn - phiên chợ vùng cao ở Bá Thước; Sơn - Bá - Mười - Đà Lạt xứ Thanh; Không gian văn hóa Mường Khô và lễ hội Mường Khô; Không gian văn hóa Mường Ký, hang cá thần; Huyền thoại đời Lai Li Lai Láng - không gian thiêng; Không gian văn hóa Mường Óng - mô hình làng văn hóa du lịch “Đề đất đề nước”.

Để những tiềm năng, lợi thế nêu trên trở thành hiện thực, các địa danh lịch sử - văn hóa của Bá Thước sớm hình thành các điểm đến du lịch hấp dẫn, trong thời gian tới, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các

dân tộc huyện Bá Thước và ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, cần phải có nhận thức đúng về bảo tồn và khai thác các địa danh lịch sử - văn hóa trong bối cảnh hiện nay. Bảo tồn không phải chỉ là bảo vệ, đóng cửa để giữ di sản văn hóa, nhưng cũng không thể phục chế, làm mới để thay đổi giá trị ban đầu của di sản văn hóa, hoặc bảo tồn di sản văn hóa dưới dạng sân khấu hóa, rồi lai căng, hiện đại hóa di sản vì mục đích thương mại. Những phương thức bảo tồn sai lệch trên đây thực tế đã tương đối phổ biến do nhận thức chưa đúng của cơ quan quản lý văn hóa/ du lịch, chính quyền hoặc chính người dân ở một số địa phương. Cần nhận thức rằng, bảo tồn di sản bằng cách khai thác để xây dựng thành các sản phẩm du lịch, giới thiệu cho du khách biết, đó chính là phương thức bảo tồn đúng đắn, hiệu quả nhất.

Thứ hai, trong khai thác địa danh lịch sử - văn hóa để phát triển sản phẩm du lịch, ngành quản lý di sản và ngành du lịch cần có sự hợp tác chặt chẽ và điều hướng đến khai thác hiệu quả, bền vững giá trị của di sản văn hóa. Đối với ngành quản lý di sản, trong hoạt động trùng tu, tôn tạo, bảo tồn di sản văn hóa cần sáng tạo đồng thời các loại dịch vụ thích hợp để

hấp dẫn du khách đến với di sản. Đối với ngành du lịch, cần nghiên cứu để tạo ra các sản phẩm du lịch tương ứng từ các loại hình di sản văn hóa nhưng cũng luôn quan tâm đến trách nhiệm của du khách trong việc tôn trọng và bảo vệ di sản. Nhìn chung, nhiệm vụ bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch là trách nhiệm chung của toàn xã hội, nhưng hai ngành chuyên môn là quản lý di sản và du lịch luôn đóng vai trò chủ động và sáng tạo.

Thứ ba, trong thời đại công nghiệp 4.0, việc xây dựng, quảng bá hình ảnh các điểm đến du lịch là hết sức quan trọng, nhất là trên mạng Internet, trên trang thông tin điện tử của từng xã, huyện và tỉnh, trên bản đồ du lịch Thanh Hóa và Việt Nam. Trong phát triển du lịch, xây dựng được “hình ảnh đẹp, ấn tượng, độc đáo” của một điểm đến du lịch đầy tiềm năng trong lòng du khách trong và ngoài nước là nhiệm vụ cần thiết với những cơ hội và thách thức nhất định. So với các địa phương khác, điểm yếu của du lịch Thanh Hóa nói chung, Bá Thước nói riêng, đó là công tác quảng bá, tuyên truyền, marketing chưa thực sự hiệu quả.

Cùng với đó, cần đẩy mạnh tuyên truyền trong

cộng đồng dân cư với nhiều hình thức khác, như biên soạn sách, tờ gấp,... để mọi tầng lớp nhân dân, du khách thập phương, nhất là học sinh sinh viên nhận thức đúng giá trị lịch sử văn hóa, giá trị kinh tế - là điểm đến du lịch không thể bỏ qua của địa phương, từ đó có thái độ, hành động ứng xử trân trọng đối với khu di tích. Để hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch có hiệu quả cần khai thác tất cả các loại ấn phẩm thông tin du lịch được sử dụng tại Việt Nam do cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch, các doanh nghiệp ấn hành và cung cấp cho du khách; tổ chức các chuyến famtrip, presstrip; tuyên truyền quảng bá du lịch thông qua các ấn phẩm truyền thông, truyền hình; tham dự hội chợ, hội thảo và giao lưu các chương trình du lịch trong và ngoài nước để giới thiệu về hình ảnh của của địa phương tới khách du lịch, đối tác và các nhà đầu tư; tăng cường hơn nữa nguồn kinh phí cho hoạt động xúc tiến, quảng bá...

Hình ảnh về con người và bản sắc văn hóa vùng miền là các yếu tố rất quan trọng làm nên thương hiệu du lịch của một điểm đến. Vùng đất Bá Thước đậm đặc các di sản văn hóa cả vật thể và

phi vật thể phong phú có thể xây dựng điểm đến có thể mạnh về tài nguyên du lịch nhân văn, văn hóa, lịch sử. Do đó, huyện, xã, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần tiếp tục triển khai một số giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân xây dựng hình ảnh về con người và bản sắc văn hóa của điểm đến du lịch, làm cho người dân tự hào về những giá trị văn hóa truyền thống lịch sử, từ đó có ý thức, trách nhiệm để bảo tồn và giới thiệu những giá trị đó đến với du khách thông qua các sản phẩm du lịch văn hóa - di tích lịch sử.

Thứ tư, chính quyền và ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch của xã, huyện, tỉnh, phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện, mời gọi các doanh nghiệp du lịch về đầu tư, xây dựng các sản phẩm, các tour, tuyến du lịch kết nối với các khu, điểm du lịch trong huyện, trong tỉnh và cả nước.

Thứ năm, đầu tư, bảo tồn tôn tạo, khai thác các địa danh lịch sử - văn hóa để phát triển du lịch bền vững phải gắn với việc tạo công ăn, việc làm cho cư dân địa phương. Các dự án trùng tu, tôn tạo, các dự án du lịch ở đây cần phải có sự tham gia của cộng đồng nhân dân các dân tộc địa phương./.